



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Tỉnh Tiền Giang

Số 255

Ngày 20 tháng 04 năm 2015

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

31-03-2015	Quyết định số 13/2015 /QĐ-UBND quy định về tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	3
01-04-2015	Quyết định số 14/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	13
01-04-2015	Quyết định số 15/2015/QĐ-UBND ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thăm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	18
01-04-2015	Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	22
07-04-2015	Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	27

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

06-04-2015	Quyết định số 822/QĐ-UBND về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang	32
07-04-2015	Quyết định số 832/QĐ-UBND về việc ủy quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình	33
13-03-2015	Kế hoạch số 45/KH-UBND thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2015	34
16-03-2015	Kế hoạch số 48/KH-HĐ công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2015	38
24-03-2015	Kế hoạch số 54/KH-UBND tổ chức phát động đợt thi đua đặc biệt chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh lần thứ V, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IX và các ngày lễ lớn trong năm 2015	52
30-03-2015	Kế hoạch số 60/KH-UBND thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang	55
01-04-2015	Kế hoạch số 64/KH-UBND hoạt động thông tin đối ngoại năm 2015	61
02-04-2015	Kế hoạch số 67/KH-UBND triển khai thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch	68

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/2015 /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 31 tháng 3 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định về tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 22 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa, đổi bổ sung, một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Nghị quyết số 09/1998/NQ-CP ngày 31 tháng 7 năm 1998 của Chính phủ về tăng cường công tác phòng, chống tội phạm trong tình hình mới;

Căn cứ Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự, an toàn xã hội;

Theo đề nghị của Giám đốc Công an tỉnh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tổ chức và hoạt động của Đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Giám đốc Công an tỉnh chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị tổ chức triển khai, hướng dẫn thực hiện Quyết định này.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 658/QĐ-UB ngày 24 tháng 9 năm 1990 của Ủy ban nhân dân tỉnh về tổ chức và hoạt động của đội dân phòng ở ấp, khu phố, cụm dân cư thuộc xã, phường, thị trấn.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Công an tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Kim Mai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về tổ chức và hoạt động của đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 13/2015/QĐ-UBND
ngày 31 tháng 3 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)*

Chương I.

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Quy định này quy định về tổ chức và hoạt động của đội dân phòng ở ấp, khu phố, xã, phường, thị trấn (sau đây viết tắt là đội dân phòng) và trách nhiệm quản lý nhà nước về đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Quy định này được áp dụng đối với lực lượng dân phòng và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến tổ chức và hoạt động của đội dân phòng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Chức năng của đội dân phòng

Đội dân phòng là tổ chức quần chúng tự nguyện, được thành lập có chức năng tham gia thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ; phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và tham gia thực hiện một số biện pháp phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật giữ gìn an ninh, trật tự ở ấp, khu phố, xã, phường, thị trấn.

Điều 3. Tổ chức và hoạt động của đội dân phòng

1. Tổ chức của đội dân phòng:

a) Mỗi ấp, khu phố, xã, phường, thị trấn có một Đội dân phòng.

Số lượng mỗi Đội dân phòng có từ 6 đến 12 người, gồm: Đội trưởng, 01 đến 02 Đội phó và các Đội viên.

Nhiệm kỳ hoạt động của Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng là 05 năm; việc thay thế, bổ sung nhân sự đội dân phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp xã) quyết định bằng văn bản.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương quyết định thành lập đội dân phòng; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng.

Trưởng ấp, khu phố có trách nhiệm phối hợp với Công an xã, phường, thị trấn (viết tắt là Công an cấp xã) đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp thành lập đội dân phòng ở ấp, khu phố. Đối với các địa bàn phức tạp về an ninh,

trật tự thì Trưởng Công an cấp xã có trách nhiệm đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã thành lập đội dân phòng ở xã, phường, thị trấn.

c) Trưởng Công an cấp xã trực tiếp chỉ đạo hoạt động của các đội dân phòng.

2. Hoạt động của đội dân phòng:

a) Đội dân phòng hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Quy định này; cấp dưới phục tùng cấp trên; dựa vào nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn dân và chịu sự giám sát của nhân dân.

b) Đội dân phòng chịu sự lãnh đạo trực tiếp, toàn diện của cấp ủy Đảng; sự quản lý, điều hành của Ủy ban nhân dân cấp xã và sự chỉ đạo, hướng dẫn nghiệp vụ của Công an cấp xã.

c) Trong khi làm nhiệm vụ, đội viên đội dân phòng phải mặc đồng phục, đeo băng chức danh và mang theo giấy chứng nhận dân phòng để xuất trình khi làm nhiệm vụ.

d) Định kỳ hàng tháng, đội dân phòng họp 01 lần để kiểm điểm rút kinh nghiệm công tác và triển khai nhiệm vụ công tác tiếp theo; khi cần thiết Đội trưởng đội dân phòng có thể triệu tập họp đột xuất. Hàng năm có tổng kết, tổ chức phân loại chất lượng hoạt động của đội dân phòng.

Điều 4. Tiêu chuẩn tham gia vào lực lượng dân phòng

1. Người tham gia vào lực lượng dân phòng phải đảm bảo các tiêu chuẩn:

a) Công dân Việt Nam có độ tuổi từ đủ 18 tuổi trở lên, có hộ khẩu thường trú hoặc tạm trú dài hạn tại xã, phường, thị trấn nơi tham gia

b) Có lý lịch rõ ràng, bản thân và gia đình chấp hành tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

c) Có sức khỏe, tinh thần tự nguyện và điều kiện tham gia công tác trong lực lượng dân phòng.

d) Có trình độ học vấn từ Trung học cơ sở trở lên (riêng các địa bàn vùng sâu, vùng xa, đặc biệt khó khăn thì trình độ học vấn từ Tiểu học trở lên).

đ) Đội trưởng, đội phó đội dân phòng ngoài các tiêu chuẩn quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều này phải là người có khả năng tổ chức, điều hành hoạt động của đội dân phòng, có uy tín, được nhân dân trong ấp, khu phố và đội viên tin nhiệm.

2. Khuyến khích đảng viên, đoàn viên, hội viên và các đoàn thể, tổ trưởng, tổ phó Tổ tự quản, Tổ dân phố, quân nhân xuất ngũ, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong lực lượng Công an nhân dân xuất ngũ tham gia lực lượng dân phòng.

Điều 5. Quan hệ phối hợp giữa lực lượng dân phòng với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự

1. Lực lượng dân phòng chủ động phối hợp với Dân quân tự vệ, đơn vị Công an nhân dân, cơ quan, tổ chức trên địa bàn cấp xã thực hiện nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy ở cơ sở.

2. Phối hợp với lực lượng Dân quân tự vệ, bảo vệ chuyên trách các cơ quan, đơn vị đóng trên địa bàn để bảo vệ an ninh, trật tự theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân và Công an cấp xã.

3. Phối hợp với ban, ngành, đoàn thể địa phương quản lý, giáo dục người vi phạm pháp luật (khi được Ủy ban nhân dân cấp xã giao); vận động cán bộ, nhân dân, công nhân, lao động trong các cơ quan, doanh nghiệp tham gia giữ gìn an ninh, trật tự, phòng, chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng chống cháy, nổ; xây dựng gia đình, ấp, khu phố văn hóa, xã, phường, thị trấn an toàn về an ninh, trật tự.

4. Đơn vị vũ trang nhân dân, cơ quan, tổ chức, cá nhân trên địa bàn cấp xã có trách nhiệm phối hợp, cộng tác, giúp đỡ, tạo điều kiện lực lượng dân phòng thực hiện nhiệm vụ.

Chương II.

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 6. Nhiệm vụ của đội dân phòng

1. Thực hiện các biện pháp giữ gìn an ninh, trật tự, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn cứu hộ, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các tai nạn khác theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của ngành Công an, cụ thể:

a) Tuyên truyền, vận động nhân dân, phổ biến kiến thức và kỹ năng về công tác phòng cháy, chữa cháy, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, phòng ngừa, tố giác tội phạm và vi phạm pháp luật.

b) Phối hợp với lực lượng chuyên trách thực hiện nhiệm vụ phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh và các tai nạn khác.

c) Đề xuất việc ban hành quy định, nội quy an toàn về phòng cháy, chữa cháy; xây dựng phương án, chuẩn bị lực lượng, phương tiện phòng cháy, chữa cháy; tham gia chữa cháy khi có cháy xảy ra.

2. Tổ chức tuần tra, canh gác giữ gìn an ninh, trật tự để phòng ngừa, phát hiện đấu tranh phòng, chống tội phạm, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội tại địa bàn, các khu vực dân cư theo chương trình, kế hoạch được duyệt của Trưởng Công an cấp xã và theo hướng dẫn của Cảnh sát khu vực, Công an viên; phát hiện, ngăn chặn những hành vi vi phạm pháp luật, gây mất trật tự công cộng, vi phạm các thể lệ, quy tắc, quy ước về bảo vệ an ninh, trật tự, kịp thời phản ánh cho cơ quan Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã có biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn tội phạm và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật.

3. Tham gia bảo vệ hiện trường, cứu giúp người bị nạn, nạn nhân trong các vụ án, tai nạn giao thông, tai nạn lao động, cháy, nổ; bảo vệ an toàn tài sản

của nhân dân và tham gia truy bắt người phạm tội quả tang, đối tượng có lệnh truy nã, trốn thi hành án, tham gia kiểm tra lưu trú, tạm trú; tham gia phòng chống tệ nạn xã hội, hòa giải, giải quyết các mâu thuẫn trong nhân dân ở địa phương, cơ sở.

4. Thực hiện nhiệm vụ phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân và đơn vị vũ trang nhân dân trong công tác đảm bảo an ninh, trật tự theo quy định tại Điều 5 của Quy định này và các nhiệm vụ khác theo sự phân công, chỉ đạo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Công an cấp xã và theo quy định của pháp luật.

Điều 7. Quyền hạn của đội dân phòng

1. Đôn đốc, nhắc nhở nhân dân trong khu vực thực hiện các quy định về phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội, phòng ngừa cháy, nổ, phòng ngừa, khắc phục hậu quả thiên tai, dịch bệnh, các quy định về tiêu chí văn hóa, tiêu chí về xây dựng nông thôn mới.

2. Tham gia cùng với lực lượng chức năng bắt, tước hung khí và dẫn giải đối tượng phạm tội quả tang, đối tượng đang bị truy nã, trốn thi hành án; tham gia kiểm tra lưu trú, tạm trú.

3. Trong khi thực hiện nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát, đội dân phòng được quyền yêu cầu chấm dứt ngay hành vi vi phạm hoặc yêu cầu người có hành vi vi phạm pháp luật, vi phạm các thể lệ, quy ước, nội quy bảo vệ an ninh, trật tự hoặc có biểu hiện nghi vấn tội phạm về trụ sở Công an, điểm tiếp công dân của Cảnh sát khu vực, ấp, khu phố và báo cáo ngay cho lực lượng Công an, Ủy ban nhân dân cấp xã để chỉ đạo, giải quyết.

4. Trong khi làm nhiệm vụ, được quyền mang và sử dụng gậy cao su, các phương tiện và công cụ hỗ trợ cần thiết khác để đảm bảo yêu cầu công tác giữ gìn an ninh, trật tự và phòng vệ chính đáng theo quy định của pháp luật.

5. Báo cáo, đề xuất Chủ tịch Ủy ban nhân dân, Trưởng Công an cấp xã xử lý các hành vi cố ý vi phạm, vi phạm nhiều lần các quy định về an ninh trật tự, an toàn về phòng cháy, chữa cháy.

Điều 8. Trách nhiệm của Đội trưởng, Đội phó và Đội viên

1. Đội trưởng đội dân phòng có trách nhiệm tổ chức thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 của Quy định này; chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân và Công an cấp xã về hoạt động của đội dân phòng; định kỳ báo cáo tình hình, kết quả thực hiện của đội dân phòng với Ủy ban nhân dân và Công an cấp xã.

2. Đội phó đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Đội trưởng đội dân phòng và điều hành hoạt động của đội dân phòng khi Đội trưởng đi vắng hoặc được ủy quyền.

3. Đội viên đội dân phòng chịu sự lãnh đạo, quản lý trực tiếp của Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng; có trách nhiệm phối hợp, thực hiện các nhiệm vụ, kế hoạch công tác của đội dân phòng.

Chương III.

ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA ĐỘI DÂN PHÒNG

Điều 9. Chế độ, chính sách

1. Lực lượng đội dân phòng khi tham gia huấn luyện, bồi dưỡng nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy, trực tiếp tham gia chữa cháy thì được hưởng các chế độ, chính sách theo quy định tại Điều 35 Nghị định 79/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

2. Lực lượng đội dân phòng khi tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự mà bị tổn hại về danh dự thì được khôi phục; bị thiệt hại về tài sản thì được đền bù; bị chết do trực tiếp tham gia công tác bảo vệ an ninh, trật tự thì được xem xét công nhận là liệt sĩ, nếu bị thương làm suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên thì được xem xét để hưởng chính sách như thương binh theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng (theo Khoản 3, Điều 10 Nghị định số 06/2014/NĐ-CP ngày 21/01/2014 của Chính phủ quy định về biện pháp vận động quần chúng bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội); khi làm nhiệm vụ tuần tra, kiểm soát hoặc nhiệm vụ khác do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã phân công thì được bồi dưỡng phù hợp, tùy theo điều kiện của địa phương. Khi Đội viên đội dân phòng bị ốm đau, tai nạn hoặc có khó khăn về vật chất thì Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã có trách nhiệm tổ chức thăm viếng, quan tâm, giúp đỡ về vật chất, động viên về tinh thần để lực lượng dân phòng yên tâm công tác, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

3. Lực lượng đội dân phòng được tham gia huấn luyện, bồi dưỡng kiến thức pháp luật và nghiệp vụ về công tác của lực lượng dân phòng; mỗi ngày tham gia được hưởng 01 khoản tiền bằng 1,5 ngày lương cơ sở.

Điều 10. Nơi làm việc và trang bị của đội dân phòng

1. Tùy theo khả năng và điều kiện cụ thể của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã bố trí nơi làm việc phù hợp, đảm bảo hoạt động của đội dân phòng.

2. Trang bị, trang phục:

a) Hai năm một lần, mỗi Đội viên đội dân phòng được cấp 03 bộ quần áo, 01 mũ mềm, 03 đôi giày ba ta và 06 đôi tất. Màu sắc, chủng loại trang phục do Công an tỉnh quy định.

b) Đội viên đội dân phòng được Ủy ban nhân dân cấp xã cấp giấy chứng nhận, bảng tên theo mẫu do Công an tỉnh quy định. Định kỳ 05 năm cấp lại 01 lần hoặc khi bị mất, hư hỏng thì đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cấp lại.

c) Đội dân phòng được trang bị gậy cao su, còi, đèn pin; dụng cụ phòng cháy, chữa cháy; công cụ hỗ trợ cần thiết khác phục vụ yêu cầu công tác đảm bảo an ninh, trật tự ở địa phương. Số lượng công cụ trang bị tùy theo điều kiện thực tế của địa phương.

Điều 11. Kinh phí đảm bảo cho hoạt động của lực lượng dân phòng

Ủy ban nhân dân cấp xã sử dụng ngân sách dành riêng chi cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy từ nguồn ngân sách dành cho Quốc phòng - An ninh để chi hỗ trợ cho hoạt động của lực lượng dân phòng, hỗ trợ thường xuyên cho đội trưởng, đội phó đội dân phòng, mua sắm thiết bị bảo hộ, dụng cụ phòng cháy cho lực lượng dân phòng; được sử dụng nguồn thu Quỹ Quốc phòng - An ninh, nguồn kinh phí tự nguyện đóng góp, tài trợ của các cơ quan, tổ chức, nhân dân và các nguồn tài chính hợp pháp khác để mua sắm trang phục, trang bị bảng tên, giấy chứng nhận, công cụ hỗ trợ, thiết bị bảo hộ, phương tiện phòng cháy, chữa cháy và thực hiện chế độ, chính sách, đảm bảo điều kiện làm việc và hoạt động cho lực lượng dân phòng.

Việc quản lý, sử dụng kinh phí được thực hiện theo quy định của pháp luật.

Chương IV.

KHEN THƯỞNG, XỬ LÝ VI PHẠM VÀ KHIẾU NẠI, TỐ CÁO

Điều 12. Khen thưởng

1. Tập thể, đội viên đội dân phòng lập thành tích xuất sắc trong phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc, phòng chống tội phạm; tham gia giữ gìn an ninh, trật tự và phòng cháy, chữa cháy được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Tổ chức, cá nhân có thành tích trong việc xây dựng lực lượng dân phòng thì được khen thưởng theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Xử lý vi phạm

1. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi chống đối, cản trở việc tổ chức, hoạt động của lực lượng dân phòng, vi phạm các quy định khác của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt động của đội dân phòng thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

2. Tập thể, đội viên đội dân phòng có hành vi vi phạm pháp luật, lợi dụng nhiệm vụ, quyền hạn trong khi thi hành nhiệm vụ để mưu cầu lợi ích cá nhân, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự và uy tín, tài sản của tổ chức, cá nhân thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự. Trường hợp gây thiệt hại về vật chất thì phải bồi thường cho người bị hại theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 14. Khiếu nại, tố cáo đối với hoạt động của đội dân phòng

1. Mọi tổ chức, cá nhân có quyền khiếu nại, tố cáo với Trưởng Công an hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã về hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn vi phạm pháp luật của cán bộ, đội viên đội dân phòng.

2. Việc khiếu nại, tố cáo của tổ chức, cá nhân đối với lực lượng dân phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

Điều 15. Kiểm tra hoạt động của đội dân phòng

Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức đoàn thể, Ủy ban nhân dân, Công an cấp xã có trách nhiệm đôn đốc, hướng dẫn đội dân phòng thực hiện nhiệm vụ và thường xuyên kiểm tra, giám sát hoạt động của đội dân phòng.

Chương V.

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chủ trì, phối hợp các sở, ngành liên quan chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện quy định này và thường xuyên tổ chức bồi dưỡng, tập huấn nghiệp vụ cho lực lượng dân phòng phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương. Quy định, hướng dẫn thống nhất mẫu trang phục, giấy chứng nhận, bảng tên cho lực lượng dân phòng theo điểm a, b, khoản 2, điều 10 của Quy định này.

2. Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định mức hỗ trợ thường xuyên cho các chức danh Đội trưởng, Đội phó đội dân phòng theo quy định tại khoản 2 Điều 35 Nghị định 79/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Hàng năm, tham mưu đề xuất tổ chức hội nghị sơ kết, tổng kết công tác của đội dân phòng để rút kinh nghiệm, nhân điển hình tiên tiến nhằm động viên, khen thưởng những cá nhân, đơn vị thực hiện tốt nhiệm vụ; củng cố, nâng chất hoạt động của lực lượng dân phòng.

4. Chỉ đạo cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thường xuyên tập huấn, hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ phòng cháy và chữa cháy đối với lực lượng dân phòng.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Tài chính

Sở Tài chính có trách nhiệm chủ trì, phối hợp sở, ngành liên quan và Ủy ban nhân dân các cấp hướng dẫn việc thu, chi các nguồn kinh phí, nguồn quỹ để trang bị, hỗ trợ, bổ sung kinh phí đảm bảo hoạt động cho lực lượng dân phòng.

Điều 18. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

Ủy ban nhân dân cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lực lượng dân phòng, chỉ đạo, kiểm tra việc tổ chức và hoạt động của lực lượng dân phòng.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm quyết định thành lập, ban hành quy chế hoạt động, bố trí nơi làm việc; đảm bảo kinh phí, trang bị công cụ, phương tiện và các điều kiện cần thiết để duy trì hoạt động của đội dân phòng.

2. Kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, khen thưởng và xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Điều khoản thi hành

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Trưởng Công an cấp xã; Trưởng ấp, khu phố và cán bộ, đội viên đội dân phòng tổ chức triển khai, thực hiện nghiêm Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức, triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ban, ngành tỉnh, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo, phản ánh về Công an tỉnh để tổng hợp, tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Kim Mai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 14/2015/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 01 tháng 04 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 90/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang tại Tờ trình số 1079/TTr-STNMT ngày 26/3/2015,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng nộp phí****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng nộp phí

Các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Tiền Giang thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Mức thu phí

1. Mức thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước:

a) Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất:

Stt	Tên công việc	Mức thu (đồng/ 1 đề án, báo cáo)
I	Thẩm định đề án thăm dò nước dưới đất:	
1	Đề án thiết kế giếng có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngàyđêm	400.000
2	Đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngàyđêm đến dưới 500 m ³ /ngàyđêm	1.000.000
3	Đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngàyđêm đến dưới 1.000 m ³ /ngàyđêm	2.600.000
4	Đề án thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngàyđêm đến dưới 3.000 m ³ /ngàyđêm	4.800.000
II	Thẩm định báo cáo khai thác, sử dụng nước dưới đất:	
1	Báo cáo khai thác có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngàyđêm	400.000
2	Báo cáo khai thác có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngàyđêm đến dưới 500 m ³ /ngàyđêm	1.000.000
3	Báo cáo khai thác có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngàyđêm đến dưới 1.000 m ³ /ngàyđêm	2.600.000
4	Báo cáo khai thác có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngàyđêm đến dưới 3.000 m ³ /ngàyđêm	4.800.000

b) Phí thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt:

Stt	Tên công việc	Mức thu (đồng/ 1 đề án, báo cáo)
1	Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất dưới 50kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m ³ /ngày đêm	600.000
2	Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 m ³ / giây đến dưới 0,5 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 50 kw đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 m ³ /ngày đêm đến dưới 3.000 m ³ /ngày đêm	1.500.000
3	Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 m ³ / giây đến dưới 1 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 200 kw đến dưới 1.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 20.000 m ³ /ngày đêm	4.200.000
4	Thẩm định đề án, báo cáo khai thác, sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 m ³ /giây đến dưới 2 m ³ /giây; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 kw đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m ³ /ngày đêm đến dưới 50.000 m ³ /ngày đêm	7.100.000

c) Phí thẩm định đề án, báo cáo xả nước thải vào nguồn nước:

Stt	Tên công việc	Mức thu (đồng/ 1 đề án, báo cáo)
1	Thẩm định đề án, báo cáo có lưu lượng nước dưới 100 m ³ /ngàyđêm	600.000
2	Thẩm định đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 100 m ³ /ngàyđêm đến dưới 500 m ³ / ngàyđêm	1.600.000
3	Thẩm định đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngàyđêm đến dưới 2.000 m ³ /ngàyđêm	4.250.000
4	Thẩm định đề án, báo cáo có lưu lượng nước từ 2.000 m ³ /ngàyđêm đến dưới 5.000 m ³ /ngàyđêm	7.500.000

2. Trường hợp thẩm định gia hạn, bổ sung: mức thu bằng 50% (năm mươi phần trăm) mức thu đối với các trường hợp tương ứng quy định tại khoản 1 của Điều này.

Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước theo Quyết định này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

Cơ quan thu phí (Sở Tài nguyên và Môi trường) được trích để lại 85% (tám mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền thu phí để trang trải chi phí phục vụ cho công tác thẩm định và thu phí theo quy định của Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và các quy định hiện hành của nhà nước về phí, lệ phí.

Tổng số tiền phí thu được sau khi trừ số tiền phí được trích để lại (85%), số tiền còn lại 15% (mười lăm phần trăm) cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Thu, kê khai và nộp phí

a) Cơ quan thu phí phải lập và cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp phí theo đúng quy định của Bộ Tài chính về phát hành quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế. Khi thu phải sử dụng biên lai do cơ quan thuế phát hành. Định kỳ hàng tháng phải quyết toán với cơ quan thuế;

b) Việc kê khai phí thu được theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

c) Toàn bộ số thu phí phải nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc nhà nước nơi đơn vị đóng trụ sở chính và nộp phí theo quy định cụ thể tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn về thu phí liên quan.

d) Cơ quan thu phí phải mở sổ sách kế toán hạch toán các khoản thu và sử dụng phí theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính; Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày

25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức việc thu phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước;

2. Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn các chế độ về thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu từ phí; các quy định về sổ sách kế toán - tài chính theo quy định hiện hành;

3. Cục Thuế tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong kiểm tra quyết toán thu, chi các khoản phí theo đúng quy định;

4. Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các tổ chức, cá nhân đề nghị cấp, gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn mình quản lý.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế nội dung quy định về đối tượng áp dụng, mức thu, quản lý và sử dụng phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất; khai thác, sử dụng nước mặt; xả nước thải vào nguồn nước được quy định tại Điều 1, 2, 3 và Điều 4 của Quy định về việc thu phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước; hồ sơ hành nghề khoan nước dưới đất và lệ phí cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Mỹ Tho, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Kim Mai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 15/2015/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH**Ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang****ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Tài nguyên nước ngày 21 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 201/2013/NĐ-CP ngày 27 tháng 11 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 91/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang tại Tờ trình số 1104/TTr-STNMT ngày 27 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng nộp phí****1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định về mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng nộp phí

Các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh Tiền Giang thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Mức thu phí

Mức thu phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh Tiền Giang:

STT	Tên công việc	Mức thu trường hợp thẩm định lần đầu (đồng/1 báo cáo)	Mức thu trường hợp thẩm định gia hạn, bổ sung (đồng/1 báo cáo)
1	Thẩm định báo cáo kết quả thi công giếng thăm dò có lưu lượng nước dưới 200 m ³ /ngàyđêm	400.000	200.000
2	Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 200 m ³ /ngàyđêm đến dưới 500 m ³ /ngàyđêm	1.300.000	650.000
3	Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 500 m ³ /ngàyđêm đến dưới 1.000m ³ / ngàyđêm	3.200.000	1.600.000
4	Thẩm định báo cáo kết quả thăm dò có lưu lượng nước từ 1.000 m ³ /ngàyđêm đến dưới 3.000 m ³ /ngàyđêm	5.200.000	2.600.000

Điều 3. Chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí

1. Phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất theo Quyết định này là khoản thu thuộc ngân sách nhà nước.

Cơ quan thu phí (Sở Tài nguyên và Môi trường) được trích để lại 85% (tám mươi lăm phần trăm) trên tổng số tiền thu phí để trang trải chi phí phục vụ cho công tác thẩm định và thu phí theo Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và các quy định hiện hành của nhà nước về phí, lệ phí.

Tổng số tiền phí thu được sau khi trừ số tiền phí được trích để lại (85%), số tiền còn lại 15% (mười lăm phần trăm) cơ quan thu phí phải nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật.

2. Thu, kê khai và nộp phí

a) Cơ quan thu phí phải lập và cấp chứng từ thu cho đối tượng nộp phí theo đúng qui định của Bộ Tài chính về phát hành quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế. Khi thu phải sử dụng biên lai do cơ quan thuế phát hành. Định kỳ hàng tháng phải quyết toán với cơ quan thuế;

b) Việc kê khai phí thu được theo mẫu biểu quy định tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ;

c) Toàn bộ số thu phí phải nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc nhà nước nơi đơn vị đóng trụ sở chính và nộp phí theo quy định cụ thể tại Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22/7/2013 của Chính phủ và các Thông tư hướng dẫn về thu phí liên quan.

d) Cơ quan thu phí phải mở sổ sách kế toán hạch toán các khoản thu và sử dụng phí theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính; Thông tư số 185/2010/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí.

Điều 4. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tỉnh có liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp tổ chức việc thu phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất;

2. Sở Tài chính chủ trì, hướng dẫn các chế độ về thu, nộp, quản lý và sử dụng nguồn thu từ phí; các quy định về sổ sách kế toán - tài chính theo quy định hiện hành;

3. Cục Thuế tỉnh phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường trong kiểm tra quyết toán thu, chi các khoản phí theo đúng quy định;

4. Ủy ban nhân dân các cấp phối hợp Sở Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra việc thực hiện của các tổ chức, cá nhân đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của tỉnh thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất trên địa bàn mình quản lý.

Điều 5. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế nội dung quy định về đối tượng áp dụng, mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo kết quả thăm dò đánh giá trữ lượng nước dưới đất quy định tại Điều 1, 2, 3 và Điều 4 của Quy định về việc thu phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng tài nguyên nước; xả nước thải vào nguồn nước; hồ sơ hành nghề khoan nước dưới đất và lệ phí cấp giấy phép hoạt động trong lĩnh vực tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang ban hành kèm theo Quyết định số 04/2007/QĐ-UBND ngày 09/02/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và thành phố Mỹ Tho, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Kim Mai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 16/2015/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định
báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Pháp Lệnh Phí và Lệ phí ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp Lệnh Phí và Lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24 tháng 7 năm 2002 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 89/2014/NQ-HĐND ngày 12 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Báo cáo số 1007/BC-STNMT ngày 20 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành Quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định mức thu, quản lý và sử dụng phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu phí, cơ quan thực hiện thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường; các tổ chức, cá nhân có liên quan.

- Các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền trên địa bàn tỉnh Tiền Giang thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật.

3. Đối tượng nộp phí

Cơ quan nhà nước, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân trong nước; người Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức, cá nhân nước ngoài hoạt động trên địa bàn tỉnh Tiền Giang khi nộp hồ sơ đề nghị thẩm định, thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định của pháp luật thì phải nộp phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

4. Mức thu, nộp và quản lý, sử dụng

a) Biểu mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường và mức thu phí trong trường hợp thẩm định lại báo cáo đánh giá tác động môi trường, quy định như sau:

- Biểu mức thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường

Đơn vị tính: Triệu đồng

Tổng vốn đầu tư (tỷ VNĐ)/dự án	≤50	>50 và ≤100	>100 và ≤200	>200 và ≤500	>500
Nhóm 1. Dự án xử lý chất thải và cải thiện môi trường	5,0	6,5	12,0	14,0	17,0
Nhóm 2. Dự án công trình dân dụng	6,9	8,5	15,0	16,0	25,0
Nhóm 3. Dự án hạ tầng kỹ thuật	7,5	9,5	17,0	18,0	25,0
Nhóm 4. Dự án nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản	7,8	9,5	17,0	18,0	24,0
Nhóm 5. Dự án giao thông	8,1	10,0	18,0	20,0	25,0

Nhóm 6. Dự án công nghiệp	8,4	10,5	19,0	20,0	26,0
Nhóm 7. Dự án khác (không thuộc nhóm 1, 2, 3, 4, 5, 6)	5,0	6,0	10,8	12,0	15,6

- Trường hợp báo cáo đánh giá tác động môi trường không được Hội đồng thẩm định thông qua cần thẩm định lại, mức thu không quá 50% (năm mươi phần trăm) mức thu áp dụng đối với thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường chính thức.

b) Nội dung quy định về việc áp dụng mức thu phí trường hợp các dự án đầu tư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc Đề án bảo vệ môi trường chi tiết, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định:

- Dự án đầu tư thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định mà dự án này được đầu tư vào khu, cụm công nghiệp đã được Chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp đó lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và có tổng vốn đầu tư nhỏ hơn hoặc bằng 100 tỷ thì mức thu theo điểm a khoản 4 Điều này.

- Dự án đầu tư thuộc đối tượng lập báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định mà dự án này được đầu tư vào khu, cụm công nghiệp đã được Chủ đầu tư kinh doanh, phát triển hạ tầng khu, cụm công nghiệp đó lập báo cáo đánh giá tác động môi trường hoặc đề án bảo vệ môi trường chi tiết, được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt theo quy định và có tổng vốn đầu tư lớn hơn 100 tỷ thì mức thu bằng 60% mức thu theo điểm a khoản 4 Điều này.

c) Cơ quan thu phí:

Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là Cơ quan Thường trực thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường có nhiệm vụ tổ chức thu, nộp, quản lý và sử dụng phí theo đúng quy định.

d) Quản lý và sử dụng tiền phí:

Cơ quan thu phí được để lại 80% (tám mươi phần trăm) trên tổng số tiền phí thu được để trang trải chi phí phục vụ cho công tác thẩm định và thu phí. Số tiền còn lại 20% (hai mươi phần trăm), cơ quan thu phí có trách nhiệm nộp vào ngân sách nhà nước theo Chương, Mục, Tiểu mục của Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Hàng năm, cơ quan được giao nhiệm vụ thu phí phải sử dụng số phí được trích để lại đúng mục đích, đúng quy định, có chứng từ hợp pháp và quyết toán

theo chế độ quy định hiện hành. Trong năm, nếu số thu được để lại sử dụng không hết thì sẽ được chuyển sang năm sau để tiếp tục sử dụng.

đ) Cơ quan thu phí có trách nhiệm kê khai, nộp, quyết toán số tiền thu phí còn lại 20% (hai mươi phần trăm) vào ngân sách nhà nước theo quy định và được quản lý, sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành.

e) Cơ quan thu phí phải lập và cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp phí theo đúng quy định của Bộ Tài chính về chế độ phát hành, quản lý, sử dụng chứng từ. Cụ thể như sau:

- Cơ quan thu phí phải lập và cấp chứng từ thu phí cho đối tượng nộp phí theo đúng qui định của Bộ Tài chính về phát hành quản lý, sử dụng ấn chỉ thuế. Khi thu phải sử dụng biên lai do cơ quan thuế phát hành. Định kỳ hàng tháng phải quyết toán với cơ quan thuế;

- Toàn bộ số tiền thu phí phải nộp vào tài khoản tiền gửi mở tại Kho bạc Nhà nước nơi đơn vị đóng trụ sở chính;

- Cơ quan thu phí phải mở sổ sách kế toán hạch toán các khoản thu và sử dụng tiền phí theo Quyết định 19/2006/QĐ-BTC ngày 30/3/2006 của Bộ Tài chính ban hành chế độ kế toán hành chính sự nghiệp; Thông tư số 185/TT-BTC ngày 15/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán hành chính sự nghiệp ban hành kèm theo Quyết định số 19/2006/QĐ-BTC và các quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài nguyên và Môi trường

- Thông báo đến các đối tượng nộp phí mức thu phí thẩm định và thực hiện thu phí trước khi tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.

- Thực hiện thu phí, quản lý và sử dụng phí đúng theo quy định.

- Tổng hợp số thu, chi phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường vào báo cáo quyết toán thu, chi ngân sách hàng năm gửi Sở Tài chính thẩm định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm kiểm tra việc quản lý, sử dụng và quyết toán nguồn thu phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường theo các quy định của pháp luật về phí và lệ phí.

3. Cục Thuế tỉnh phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường trong việc cung cấp biên lai ấn chỉ của cơ quan thu phí theo quy định.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 46/2007/QĐ-UBND ngày 20/12/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh

Tiền Giang ban hành quy định về việc thu phí thăm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Giao sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này.

3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Cục Thuế tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành, tỉnh có liên quan; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã Gò Công, thị xã Cai Lậy và thành phố Mỹ Tho và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Kim Mai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 17/2015/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 07 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Quy định mức trần thù lao công chứng
trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Công chứng ngày 20 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Tiền Giang tại Tờ trình số 186/TTr-STP ngày 20 tháng 3 năm 2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định mức trần thù lao công chứng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng:

- a) Các tổ chức, cá nhân có yêu cầu công chứng;
- b) Các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và cộng tác viên dịch thuật của các tổ chức hành nghề công chứng;

3. Mức trần thù lao công chứng

a) Mức trần thù lao công chứng được thực hiện theo Biểu mức trần thù lao công chứng (*ban hành kèm theo Quyết định này*).

b) Tổ chức hành nghề công chứng xác định thù lao công chứng đối với từng loại việc có thu thù lao nhưng không vượt quá Biểu mức trần thù lao công chứng và niêm yết công khai tại trụ sở Tổ chức hành nghề công chứng.

Điều 2. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm chủ trì phối hợp với Giám đốc Sở Tài chính, các đơn vị có liên quan tổ chức triển khai thực hiện và hướng dẫn, kiểm tra việc thu thù lao công chứng theo quy định tại Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Tài chính, Thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực sau 10 (mười) ngày, kể từ ngày ký ban hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Kim Mai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIỂU MỨC TRẦN THÙ LAO CÔNG CHỨNG
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH TIỀN GIANG**
(Ban hành kèm theo Quyết định số 17/2015/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 4 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang)

Số TT	Loại việc có thu thù lao	Mức trần thù lao
1.	Thù lao soạn thảo và đánh máy hợp đồng, giao dịch (do Tổ chức hành nghề công chứng soạn thảo)	
a)	Đối với các hợp đồng, giao dịch thông thường (đã có mẫu hợp đồng trong phần mềm hoặc được mẫu hóa, liệt kê theo quy định pháp luật về dân sự, đất đai)	Không quá 100.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
b)	Đối với hợp đồng kinh tế, đầu tư, thương mại,... hoặc hợp đồng, giao dịch có yếu tố nước ngoài	Không quá 300.000 đồng/hợp đồng, giao dịch.
2.	Thù lao soạn thảo, đánh máy và niêm yết: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; văn bản khai nhận di sản thừa kế	
a)	Thù lao soạn thảo, đánh máy: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; văn bản khai nhận di sản. (do Tổ chức hành nghề công chứng soạn thảo và thực hiện việc niêm yết qua đường bưu điện)	Không quá 350.000 đồng/trường hợp.
b)	Thù lao soạn thảo, đánh máy: Văn bản thỏa thuận phân chia di sản thừa kế; văn bản khai nhận di sản (do Tổ chức hành nghề công chứng soạn thảo và trực tiếp thực hiện việc niêm yết, nhận kết quả	- Không quá 450.000 đồng/trường hợp và trong phạm vi niêm yết dưới hoặc bằng 10km; - Phạm vi niêm yết trên 10km, thì cứ từ 01km đến 10km tăng thêm 100.000 đồng. Tối đa không quá 1.500.000 đồng/trường hợp;

	niêm yết)	(Mức thù lao nêu trên đã bao gồm: chi phí ăn, ở và phương tiện đi lại). - Trường hợp thực hiện việc niêm yết ngoài tỉnh do Tổ chức hành nghề công chứng và người yêu cầu công chứng tự thỏa thuận trên cơ sở: Chi phí phát sinh thực tế không được vượt quá chế độ công tác phí theo quy định của Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.
3	Soạn thảo, đánh máy di chúc (do Tổ chức hành nghề công chứng soạn thảo)	Không quá 100.000 đồng/văn bản.
4	Thù lao các việc khác liên quan đến việc công chứng	
a)	Sao lục hồ sơ lưu trữ theo quy định	Không quá 30.000 đồng/hồ sơ/1 lần yêu cầu.
b)	Trường hợp người yêu cầu công chứng yêu cầu cấp thêm số lượng hợp đồng, giao dịch theo quy định	Không quá 20.000 đồng/01 hợp đồng, giao dịch.
c)	Sao chụp (photocopy) giấy tờ, văn bản liên quan đến hợp đồng, giao dịch	- Không quá 500 đồng/01 trang giấy A4. - Không quá 1.000 đồng/01 trang giấy A3.
5	Thù lao dịch giấy tờ, văn bản từ tiếng Việt sang tiếng nước ngoài hoặc từ tiếng nước ngoài sang tiếng Việt	- Tiếng Anh: không quá 70.000 đồng/trang giấy A4; trường hợp các giấy tờ, văn bản có nhiều trang, từ trang thứ 5 (năm) trở đi thu không quá 40.000 đồng/trang giấy A4. - Các thứ tiếng: Pháp, Hoa, Hàn: không quá 80.000 đồng/trang giấy A4; trường hợp các giấy tờ, văn bản có nhiều trang, từ trang thứ 5 (năm) trở đi thu thêm không quá 50.000 đồng/ trang giấy A4. - Các thứ tiếng nước ngoài khác: không

		quá 100.000 đồng/trang giấy A4; trường hợp các giấy tờ, văn bản có nhiều trang, từ trang thứ 5 (năm) trở đi thu không quá 60.000 đồng/trang giấy A4. - Đối với các giấy tờ, văn bản có nhiều trang mà nội dung các trang sau có nội dung lặp lại tương tự như trang trước (như: Hộ khẩu, học bạ và các loại giấy tờ, văn bản khác...) thì từ trang thứ hai (02) trở đi thu không quá 20.000 đồng/trang giấy A4. - Đối với các loại giấy tờ, văn bản mà nội dung có tính chất phức tạp, đòi hỏi tính chính xác từ ngữ pháp lý (Từ ngữ hoặc thuật ngữ trong văn bản mang tính chuyên ngành, kỹ thuật, các văn bản chuyên ngành y khoa, các hợp đồng kinh tế, dân sự, kinh doanh thương mại; bản án, quyết định của Tòa án,...) thì mức thu do các bên thỏa thuận nhưng không quá 200.000 đồng/trang giấy A4.
6	Các chi phí khác theo quy định tại Điều 68 của Luật Công chứng (gồm: xác minh, giám định hoặc thực hiện công chứng ngoài trụ sở của tổ chức hành nghề công chứng do người yêu cầu công chứng đề nghị): do hai bên tự thỏa thuận	Tổ chức hành nghề công chứng phải niêm yết công khai nội dung thu, mức thu thống nhất; có trách nhiệm giải thích rõ cho người yêu cầu công chứng về các chi phí cụ thể đó; không được thu cao hơn mức chi phí đã niêm yết.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 822/QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 06 tháng 4 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc bãi bỏ văn bản quy phạm pháp luật
của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 16/2013/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ về rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Thông tư số 09/2013/TT-BTP ngày 15 tháng 6 năm 2013 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành Nghị định số 16/2013/NĐ-CP của Chính phủ;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ 02 văn bản quy phạm của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang đã ban hành, cụ thể như sau:

1. Quyết định số 23/2004/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành quy định về quản lý biên chế hành chính, sự nghiệp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Quyết định số 28/2007/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục thành lập, tổ chức lại, giải thể tổ chức hành chính, tổ chức sự nghiệp nhà nước trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tư pháp, thủ trưởng các sở, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã căn cứ Quyết định thi hành.

Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Kim Mai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 832/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tiền Giang, ngày 07 tháng 04 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ủy quyền phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công
và dự toán xây dựng công trình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 307/TTr-SXD ngày 03/4/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ủy quyền cho chủ đầu tư phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán xây dựng công trình trong trường hợp thiết kế hai bước đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước, vốn nhà nước ngoài ngân sách do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt dự án.

Điều 2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Xây dựng, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Nghĩa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 45/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 13 tháng 3 năm 2015

KẾ HOẠCH

Thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2015

Thực hiện Nghị định số 16/2010/NĐ-CP ngày 03/3/2010 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước và Thông tư số 03/2013/TT-BTP ngày 31/01/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trong hoạt động quản lý hành chính. Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng kế hoạch thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường trên địa bàn tỉnh năm 2015 với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, triển khai kịp thời các văn bản liên quan công tác bồi thường nhà nước nhất là trong lĩnh vực quản lý hành chính.

- Bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ giải quyết bồi thường trong lĩnh vực quản lý hành chính cho các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các cấp để thực hiện đúng quy định của pháp luật.

- Nâng cao vai trò, trách nhiệm, năng lực của đội ngũ cán bộ pháp chế các sở, ngành tỉnh, công chức Phòng Tư pháp cấp huyện trong việc tham mưu thực hiện công tác quản lý nhà nước về bồi thường của địa phương.

- Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh kịp thời theo dõi tình hình quản lý nhà nước về công tác bồi thường trên địa bàn tỉnh.

II. NHIỆM VỤ VÀ PHÂN CÔNG THỰC HIỆN

1. Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền Luật Trách nhiệm bồi thường nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành

Sở Tư pháp chủ trì phối hợp các sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện giới thiệu đề cương hoặc cung cấp tài liệu lồng ghép sinh hoạt trong “Ngày Pháp luật” đến cán bộ, công chức, viên chức và nhân dân biết, để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình, gia đình hoặc tổ chức khi bị xâm phạm trong quá trình thực thi nhiệm vụ trong quản lý hành chính, thi hành án và tố tụng.

2. Hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường

a) Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn nghiệp vụ giải quyết bồi thường đối với các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện.

b) Phòng Tư pháp tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện hướng dẫn cơ quan có trách nhiệm bồi thường đối với các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện và UBND cấp xã.

3. Hoạt động theo dõi, đôn đốc, thanh tra, kiểm tra việc giải quyết bồi thường, chi trả tiền bồi thường và trách nhiệm hoàn trả khi có phát sinh

Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trực tiếp là Phòng Pháp chế hoặc cán bộ Pháp chế) thực hiện việc theo dõi, đôn đốc và kiểm tra việc giải quyết bồi thường, chi trả tiền bồi thường và trách nhiệm hoàn trả trong phạm vi ngành, lĩnh vực mình quản lý.

- Sở Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo dõi, đôn đốc, thanh tra hoạt động bồi thường nhà nước trong lĩnh vực quản lý hành chính trong phạm vi địa phương.

- Phòng Tư pháp tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện theo dõi, đôn đốc, kiểm tra hoạt động bồi thường nhà nước trong phạm vi địa phương.

4. Thống kê, báo cáo về công tác bồi thường

Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, UBND cấp huyện thống kê báo cáo định kỳ, đột xuất về công tác bồi thường phạm vi ngành, địa phương.

a) Thời điểm chốt số liệu, thời hạn báo cáo

Theo quy định của Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số nội dung hoạt động thống kê ngành Tư pháp thì thời điểm lấy số liệu, thời hạn báo cáo được quy định như sau:

- Đối với báo cáo 6 tháng: số liệu thống kê được lấy từ 01/01 đến hết 30/6 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính (số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01/01 đến hết ngày 30/4 hàng năm, ngày chốt số liệu thực tế; số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01/5 đến hết ngày 30/6 hàng năm), gửi trước ngày 21/5.

- Đối với báo cáo năm: được thực hiện hai lần trong năm

+ Báo cáo năm lần 1: số liệu thống kê được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm, gồm số liệu thống kê thực tế và số liệu thống kê ước tính (số liệu thống kê thực tế được lấy từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/10 hàng năm, ngày

chốt số liệu thực tế; số liệu thống kê ước tính được lấy từ ngày 01/11 đến hết ngày 31/12 hàng năm), gửi trước ngày 21/11.

+ Báo cáo năm chính thức: Thời điểm lấy số liệu thống kê được tính từ ngày 01/01 đến hết ngày 31/12 hàng năm, gửi trước ngày 16/02 năm sau.

b) Trách nhiệm báo cáo

- Cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện định kỳ tổng hợp báo cáo gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (qua Sở Tư pháp) theo biểu mẫu kèm theo Thông tư số 20/2013/TT-BTP ngày 03/12/2013 của Bộ Tư pháp.

- Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh định kỳ tổng hợp báo cáo gửi Bộ Tư pháp.

5. Báo cáo, thống kê trong lĩnh vực thi hành án dân sự, hoạt động tố tụng

Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp là cơ quan đầu mối giúp Ủy ban nhân dân cùng cấp phối hợp với cơ quan Thi hành án dân sự, Tòa án và Viện kiểm sát trong việc theo dõi tình hình yêu cầu bồi thường và giải quyết yêu cầu bồi thường trong lĩnh vực thi hành án dân sự, hoạt động tố tụng.

6. Lập dự toán, phân bổ kinh phí bồi thường nhà nước và kinh phí quản lý nhà nước về bồi thường

a) Lập dự toán và phân bổ kinh phí bồi thường (Điều 4 Thông tư liên tịch số 71/2012/TTLT-BTC-BTP ngày 09/5/2012 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp).

Hàng năm, căn cứ thực tế bồi thường năm trước, Sở Tài chính phối hợp với sở, ban, ngành, địa phương lập dự toán kinh phí bồi thường và tổng hợp trong dự toán ngân sách địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp xem xét quyết định mức kinh phí tối thiểu.

Kinh phí bồi thường chỉ được phân bổ cho cơ quan có trách nhiệm bồi thường khi có yêu cầu chi trả tiền bồi thường hợp lệ.

b) Lập dự toán kinh phí quản lý nhà nước về bồi thường

Hàng năm, căn cứ vào các nội dung chi (theo Điều 10 Thông tư liên tịch số 71/2012/TTLT-BTC-BTP) và dự kiến nhiệm vụ cần triển khai thực hiện của năm sau, Sở Tư pháp, Phòng Tư pháp phối hợp với cơ quan Tài chính cùng cấp xây dựng dự toán kinh phí thực hiện quản lý nhà nước về bồi thường.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các Sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ

quản lý nhà nước về bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh; theo dõi, tổng hợp, xây dựng báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ Kế hoạch này.

2. Các sở, ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã xây dựng kế hoạch thực hiện công tác bồi thường nhà nước của cơ quan, đơn vị mình trên cơ sở nội dung Kế hoạch này và tình hình thực tế để triển khai thực hiện; định kỳ, báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh. Phối hợp với Sở Tư pháp trong tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh.

3. Kinh phí thực hiện

Kinh phí bảo đảm cho công tác quản lý nhà nước về bồi thường được bố trí trong dự toán chi thường xuyên của cơ quan được giao nhiệm vụ quản lý nhà nước về bồi thường.

Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) để được xem xét giải quyết./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Kim Mai

UBND TỈNH TIỀN GIANG
HỘI ĐỒNG GIÁO DỤC
QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 48/KH-HĐ

Tiền Giang, ngày 16 tháng 3 năm 2015

KẾ HOẠCH **Công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2015**

Căn cứ Kế hoạch số 21/KH-HĐ ngày 13 tháng 01 năm 2015 của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh Quân khu 9 về công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2015;

Căn cứ Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 26 tháng 02 năm 2015 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh năm 2015;

Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh Tiền Giang xây dựng Kế hoạch công tác giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2015, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Quán triệt, triển khai thực hiện Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh, các văn bản chủ trương của Đảng, Nhà nước, các Bộ, ngành Trung ương về giáo dục quốc phòng và an ninh một cách đồng bộ, chặt chẽ, thống nhất, đưa Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh đi vào cuộc sống, làm chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, ý thức trách nhiệm của mỗi cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, và toàn dân về củng cố, xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận quốc phòng toàn dân, gắn với thế trận an ninh nhân dân vững chắc đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong tình hình mới.

2. Yêu cầu

- Bảo đảm đúng chủ trương, đường lối, quan điểm của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước về giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Thực hiện tốt chức năng lãnh đạo của cấp ủy Đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp, vai trò tham mưu của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp, đồng thời xác định công tác giáo dục quốc phòng và an ninh là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị và toàn dân;

- Phát huy tốt vai trò trách nhiệm của từng thành viên Hội đồng, Ban Thường trực, Cơ quan Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp trong phối hợp, tham mưu và tổ chức thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh;

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về giáo dục quốc phòng và an ninh.

II. NHIỆM VỤ

- Tiếp tục quán triệt, thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW ngày 03 tháng 5 năm 2007 của Bộ Chính trị (khóa X) về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới; Chỉ thị số 07-CT/TW ngày 03 tháng 10 năm 2011 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo thực hiện Nghị quyết số 28-NQ/TW của Bộ Chính trị (khóa X) về tiếp tục xây dựng các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thành khu vực phòng thủ vững chắc trong tình hình mới; Kết luận của Ban Bí thư Trung ương về tăng cường cuộc đấu tranh chống âm mưu “Diễn biến hòa bình”, bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với Việt Nam. Trên cơ sở đó triển khai toàn diện, sâu rộng, thường xuyên có nề nếp, chiều sâu công tác giáo dục quốc phòng và an ninh, khơi dậy lòng yêu nước, tự hào, tự tôn dân tộc, ý chí tự lực, tự cường bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa trong thời kỳ mới cho cả hệ thống chính trị và toàn dân;

- Thường xuyên kiện toàn Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp theo Quyết định số 2419/QĐ-TTg ngày 12 tháng 12 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ bảo đảm đủ số lượng, đúng thành phần; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp;

- Triển khai đồng bộ các giải pháp, thực hiện có hiệu quả công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh và các văn bản pháp luật về giáo dục quốc phòng và an ninh cho toàn dân, thường xuyên đổi mới phương pháp tuyên truyền với nhiều nội dung phong phú, hình thức đa dạng, linh hoạt, nhất là tuyên truyền chủ quyền biên giới, biển, đảo đối với cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức, thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên và toàn dân, nhằm nâng cao ý thức, trách nhiệm của mỗi công dân đối với nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa;

- Tập trung bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên trong cơ quan, tổ chức của Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội và giáo dục quốc phòng và an ninh cho thế hệ trẻ, học sinh, sinh viên;

- Chủ động đổi mới nội dung, hình thức, phương pháp, nâng cao chất lượng và hiệu quả bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng. Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cùng cấp, các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể liên quan đẩy mạnh bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho chức sắc, nhà tu hành, chức việc các tôn giáo, cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư, người quản lý doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước, các đơn vị sự nghiệp ngoài công lập;

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng và hoàn thiện Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh theo Quyết định 638/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ

đưa vào hoạt động theo kế hoạch; xây dựng Đề án, kế hoạch đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh theo Quyết định số 607/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt “Đề án đào tạo giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh cho các Trường Trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng nghề và các cơ sở giáo dục đại học đến năm 2020”.

III. NỘI DUNG, THỜI GIAN THỰC HIỆN

TT	NỘI DUNG	CƠ QUAN CHỦ TRÌ	CƠ QUAN PHỐI HỢP	THỜI GIAN (Quý)			
				1	2	3	4
XÂY DỰNG VĂN BẢN, TRIỂN KHAI THỰC HIỆN							
1	Chỉ thị của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác quốc phòng, dân quân tự vệ, giáo dục quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh năm 2015.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và huyện, thành, thị				
2	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về giao chỉ tiêu bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh, tập huấn, huấn luyện quân sự trên địa bàn tỉnh năm 2015.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và huyện, thành, thị				
3	Kế hoạch của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh về công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh năm 2015.	Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	Thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh; Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh huyện, thành, thị				
4	Báo cáo sơ kết công tác giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2014, phương hướng, nhiệm vụ năm 2015.	Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	Thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh; Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh huyện, thành, thị				

5	Thông báo Kết luận của Chủ tịch Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh tại Hội nghị sơ kết công tác giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2014.	Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	Thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh; Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các huyện, thành, thị				
6	Kế hoạch thanh tra, kiểm tra công tác quốc phòng, địa phương năm 2015.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Huyện, thành, thị và các cơ quan, đơn vị liên quan				
7	Kế hoạch của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh về tuyên truyền giáo dục quốc phòng và an ninh toàn dân năm 2015.	Sở Thông tin và Truyền thông	Thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh; huyện, thành, thị				
8	Quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về phê duyệt kế hoạch bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh đối tượng 3, đối tượng người có uy tín trong cộng đồng dân cư năm 2016.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Thường trực Hội đồng Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh; các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; huyện, thành, thị				
9	Xây dựng kế hoạch công tác Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh giai đoạn 2016 - 2020.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Thường trực Hội đồng Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh; các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; huyện, thành, thị				
HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CÁC CẤP							
1	Tiếp tục quán triệt thực hiện Chỉ thị số 12-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác	Hội đồng Giáo dục	Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; Hội đồng Giáo dục quốc phòng và				

	giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới; Quy định số 07-QĐ/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương về tiêu chuẩn kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ, đảng viên.	quốc phòng và an ninh, Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thành, thị tỉnh				
2	Thành lập, củng cố hoạt động Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh, huyện, xã; hoàn chỉnh, bổ sung Quy chế hoạt động của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.	Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh, huyện, xã			
3	Khảo sát, rà soát các đối tượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh theo quy định của Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh.	Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; các huyện, thành, thị			
4	Tổ chức tập huấn, tuyên truyền, phổ biến, triển khai Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh và các văn bản pháp luật về giáo dục quốc phòng và an ninh.	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh, Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thành, thị			
5	Tiếp tục xây dựng hoàn chỉnh Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Quyết định số 638/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định số 3000/QĐ-BQP của Bộ Quốc phòng.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư			
6	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp duy trì hoạt động đúng quy chế, kế hoạch đề ra; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát của Hội đồng, cơ	Thường trực Hội đồng Giáo dục	Sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh và huyện, thành, thị			

	quan Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp và người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong chỉ đạo, triển khai thực hiện Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh đối với cơ quan, đơn vị và địa phương, cơ sở.	quốc phòng và an ninh					
7	Nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh và Cơ quan Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp; phát huy tốt vai trò trách nhiệm thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh và cơ quan Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện, xã; phối hợp chặt chẽ với cơ quan, ban ngành, đoàn thể địa phương và Trung ương đóng trên địa bàn thực hiện tốt nhiệm vụ công tác giáo dục quốc phòng và an ninh, bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh các đối tượng bảo đảm chỉ tiêu.	Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh	Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và huyện, thành, thị				
BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH							
1	Đối tượng 1 bồi dưỡng tại Học viện Quốc phòng, 03 khoá: 03 đồng chí.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh				
2	Đối tượng 2 bồi dưỡng tại Trường Quân sự Quân khu 9, 02 khóa: 20 đồng chí.	Ban Tổ chức Tỉnh ủy	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh				
3	Đối tượng 3 bồi dưỡng tại Trường Quân sự tỉnh, 04 lớp: 315 đồng chí. - 02 lớp Trưởng, Phó phòng	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và huyện, thành, thị				

	thuộc sở, ban, ngành tỉnh: 161 đồng chí; - 01 lớp Trưởng, Phó phòng ban, ngành cấp huyện: 80 đồng chí; - 01 lớp cán bộ chủ chốt cấp xã: 74 đồng chí.					
4	Đối tượng 4: Cơ quan, ban ngành, đoàn thể tỉnh, huyện; cơ quan, tổ chức Trung ương đóng trên địa bàn và xã, phường, thị trấn bồi dưỡng tại Trung tâm bồi dưỡng Chính trị cấp huyện: 3.261 đồng chí.	Ban Chỉ huy Quân sự các huyện, thành, thị.	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị huyện, thành, thị và xã, phường, thị trấn			
5	Đối tượng: Cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư (chức sắc), 01 lớp: 90 vị.	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Trường Chính trị tỉnh và Ban Tôn giáo (Sở Nội vụ), Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh			
6	Đối tượng: Cá nhân tiêu biểu, người có uy tín trong cộng đồng dân cư (chức việc các tôn giáo), 05 lớp: 360 vị.	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh huyện.	Trung tâm Bồi dưỡng Chính trị, Ban Chỉ huy Quân sự, Phòng Nội vụ, Ủy ban mặt trận Tổ quốc huyện, thành, thị			
GIÁO DỤC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH CHO HỌC SINH, SINH VIÊN						
1	Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng dạy và học môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh cho học sinh, sinh viên các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề và đại học theo quy định của Luật Giáo dục quốc	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động Thương binh và Xã hội, Ban Giám hiệu các Trường	Các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề và đại học.			

	phòng và an ninh.	Cao đẳng, Đại học.				
2	Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch, Đề án đào tạo giáo viên Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Quyết định số 607/QĐ-TTg ngày 24/4/2014 của Thủ tướng Chính phủ, Kế hoạch của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo	Sở Nội vụ, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.			
3	Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, chú trọng thực hành, đưa nội dung chủ quyền biên giới, biển, đảo vào chương trình, nâng cao chất lượng môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường trung học phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân; thực hiện chương trình theo Quyết định số 79, 80 và Thông tư số 31 của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo, trường Cao đẳng, Đại học.	Các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.			
4	Đổi mới phương pháp dạy và học theo hướng tích cực, chú trọng thực hành, đưa nội dung chủ quyền biên giới, biển, đảo vào chương trình, nâng cao chất lượng môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường trung cấp nghề, cao đẳng nghề; thực hiện chương trình theo Quyết định số 27 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.	Trường Trung cấp nghề, Cao đẳng nghề			
5	Đổi mới phương pháp dạy	Bộ Chỉ	Công an tỉnh, Bộ			

	và học, nâng cao chất lượng môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường của cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội; thực hiện chương trình theo Quyết định số 1104/QĐ-HVCT-HCQG của Học viện Chính trị - Hành chính quốc gia Hồ Chí Minh.	huy Quân sự tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.	Chỉ huy Quân sự tỉnh, Trường Chính trị tỉnh, các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội				
6	Tổ chức dạy, học, đánh giá kết quả môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 40/2012/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo; đầu tư, mua sắm vật chất, thiết bị môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư số 05/2013/TT- BGDDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Trường Cao đẳng, Đại học.	Các trường trung học phổ thông, trung cấp chuyên nghiệp, trung cấp nghề, cao đẳng, cao đẳng nghề và đại học				
7	Bảo đảm chế độ, chính sách đối với cán bộ quản lý, giáo viên, giảng viên Giáo dục quốc phòng và an ninh theo Thông tư liên tịch số 53/2011/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BQP-BTC của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Sở Tài chính.				
8	Các cơ sở giáo dục, trường cao đẳng, đại học, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh thực hiện đúng Quyết định số 57/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về liên kết giáo dục quốc phòng và an ninh.	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh.	Sở Giáo dục và Đào tạo, Trường cao đẳng, đại học, Trung tâm Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh.				

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC QUỐC PHÒNG VÀ AN NINH TOÀN DÂN

1	Đổi mới hình thức, phương pháp, tăng cường phổ biến, tuyên truyền pháp luật về giáo dục quốc phòng và an ninh toàn dân; nâng cao chất lượng, hiệu quả phổ biến giáo dục quốc phòng và an ninh trên các phương tiện thông tin đại chúng, kết hợp chặt chẽ với đưa tin, bài, phóng sự, hình ảnh các hoạt động về giáo dục quốc phòng và an ninh, trong các đợt tuyển chọn gọi công dân nhập ngũ, huấn luyện dã ngoại của lực lượng vũ trang và các ngày lễ, hội truyền thống với các phong trào, cuộc vận động của địa phương, cơ sở.	Ban Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp	Cơ quan Quân sự, Công an, Mặt trận Tổ quốc, Thông tin - Truyền thông, Văn hóa - thông tin, báo, đài các cấp				
2	Xây dựng kế hoạch, chương trình, chuyên trang, chuyên mục về giáo dục quốc phòng và an ninh mang tính giáo dục phù hợp với thực tiễn; quản lý và xác định nội dung chặt chẽ, phù hợp với từng địa phương; đưa chủ đề biên giới, biên, đảo vào nội dung để tuyên truyền, phổ biến.	Ban Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp	Cơ quan Quân sự, Công an, Mặt trận Tổ quốc, Thông tin - Truyền thông, Văn hóa - thông tin, báo, đài các cấp				
3	Định hướng nội dung tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh, tập trung giáo dục tinh thần yêu nước, truyền thống lịch sử đấu tranh của quê hương, đất nước thông qua di sản văn hóa vật thể; nâng cao nhận thức về quan điểm, chủ trương của Đảng, Nhà nước về nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.	Ban Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp	Cơ quan Quân sự, Công an, Mặt trận Tổ quốc, Thông tin - Truyền thông, Văn hóa - thông tin, báo, đài các cấp				

4	Chủ động bồi dưỡng, tập huấn kiến thức quốc phòng và an ninh cho đội ngũ cán bộ quản lý, phóng viên, tuyên truyền viên, biên tập viên các báo, đài địa phương, cơ sở.	Sở Thông tin và Truyền thông	Cơ quan Quân sự, Công an, Tuyên giáo, Thông tin - Truyền thông, Văn hóa - Thông tin và các báo đài				
THANH TRA, KIỂM TRA							
1	Kiểm tra công tác giáo dục quốc phòng và an ninh đối với Trường Trung học phổ thông Tân Hiệp (huyện Châu Thành), Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo (thành phố Mỹ Tho).	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo; các cơ quan liên quan				
2	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện kiểm tra 40% đơn vị cơ sở.	Ban Chỉ huy Quân sự huyện.	Ban, ngành cấp huyện				
HỘI NGHỊ SƠ KẾT, TỔNG KẾT, TẬP HUẤN							
1	Họp Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh mở rộng đánh giá kết quả thực hiện công tác giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2014, triển khai nhiệm vụ năm 2015.	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh	Các sở, ngành, thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh.				
2	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện sơ kết công tác giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2014, triển khai nhiệm vụ năm 2015.	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh huyện	Cơ quan, ban ngành, đoàn thể và thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp huyện				
3	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp xã sơ kết công tác giáo dục quốc phòng và an ninh năm 2014, triển khai nhiệm vụ năm 2015.	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh xã	Ban, ngành, đoàn thể và thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh cấp xã.				
4	Tỉnh ủy Sơ kết 8 năm thực hiện Chỉ thị 12-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh	Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh				

	công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới (theo Kế hoạch của Bộ Tư lệnh Quân khu 9).	tham mưu Tỉnh ủy	các huyện, thành, thị; các sở, ban, ngành, đoàn thể liên quan.				
5	Các Huyện, Thành, Thị ủy Sơ kết 8 năm thực hiện Chỉ thị 12-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới (theo Kế hoạch của tỉnh).	Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện tham mưu cho Huyện ủy	Ban Chỉ huy Quân sự cấp huyện, Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh cấp xã; cơ quan, ban, ngành, đoàn thể huyện.				
6	Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh tổ chức tập huấn giáo trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho các đối tượng; tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, báo cáo viên, tuyên truyền viên các cấp.	Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh.	Các thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh; các sở, ban ngành, đoàn thể tỉnh; huyện, thành, thị				
7	Các nhà trường, cơ sở giáo dục tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ quản lý, giáo viên giáo dục quốc phòng và an ninh về chương trình, giáo trình, tài liệu giáo dục quốc phòng và an ninh cho các trường theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	Sở Giáo dục và Đào tạo.	Các đơn vị nhà trường, cơ quan liên quan.				

III. CÁC MỐC THỜI GIAN

- Tháng 5 và tháng 11 hàng năm: các cơ quan, đơn vị tiến hành khảo sát và báo cáo các đối tượng chưa bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh về Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh;

- Báo cáo quý: Ngày 10 các tháng 3 (quý I), tháng 6 (6 tháng) và tháng 9 (9 tháng);

- Báo cáo năm: Ngày 10 tháng 11 hàng năm.

- Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh, Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

* **Ghi chú:** Báo cáo quý I; riêng báo cáo 6 tháng và năm (*kèm theo Phụ lục số liệu thống kê*) gửi về Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh.

IV. BIỆN PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, quản lý điều hành của chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp; phát huy vai trò tham mưu của Cơ quan thường trực, cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp cho cấp ủy Đảng, chính quyền và người đứng đầu cơ quan, tổ chức trong lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Chỉ thị 12-CT/TW của Bộ Chính trị về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

2. Triển khai đồng bộ và thực hiện có hiệu quả Đề án tuyên truyền, phổ biến Luật Giáo dục quốc phòng và an ninh; các văn bản pháp luật về giáo dục quốc phòng và an ninh.

3. Kiện toàn và nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Hội đồng, cơ quan Thường trực Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp; định kỳ tổ chức rà soát, nắm chắc cán bộ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh các đối tượng. Kịp thời điều chỉnh, bổ sung quy chế, kế hoạch hoạt động và các văn bản chỉ đạo bảo đảm tính thống nhất, đúng chủ trương; chủ động tập huấn, bồi dưỡng nâng cao nhận thức trách nhiệm, năng lực làm tham mưu cho cán bộ quản lý, thành viên Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp, đổi mới phương pháp công tác của Hội đồng; duy trì nề nếp, chế độ sinh hoạt theo quy định.

4. Xác định nhiệm vụ bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của tổ chức đảng, là trách nhiệm của chính quyền, người đứng đầu cơ quan, tổ chức và cả hệ thống chính trị, là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài; tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo nâng cao chất lượng bồi dưỡng kiến thức quốc phòng và an ninh cho cán bộ, công chức, viên chức và đảng viên; có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể.

5. Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy, chính quyền thực hiện nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến kiến thức quốc phòng và an ninh toàn dân, cụ thể hóa bằng nghị quyết, kế hoạch, chương trình theo từng quý, năm; nâng cao nhận thức trách nhiệm của các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể và nhân dân đối với nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh trong tình hình mới.

6. Tăng cường công tác kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục quốc phòng và an ninh của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp, cơ sở giáo dục, nhà trường; thực hiện tốt chế độ báo cáo, sơ kết theo quy định; kết quả thực hiện nhiệm vụ công tác giáo dục quốc phòng và an ninh ở các sở, ban, ngành, đoàn thể, Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh các cấp thường

xuyên báo cáo về Thường trực Hội đồng giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh (*Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh*) để theo dõi, tổng hợp./.

Trên đây là kế hoạch công tác Giáo dục quốc phòng và an ninh trên địa bàn tỉnh năm 2015 của Hội đồng Giáo dục quốc phòng và an ninh tỉnh Tiền Giang./.

**TM. HỘI ĐỒNG
CHỦ TỊCH**

**PHÓ CHỦ TỊCH UBND TỈNH
Trần Kim Mai**

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 54/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 24 tháng 3 năm 2015

KẾ HOẠCH

**Tổ chức phát động đợt thi đua đặc biệt chào mừng
Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII,
Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh lần thứ V, Đại hội Thi đua yêu nước toàn
quốc lần thứ IX và các ngày lễ lớn trong năm 2015**

Thực hiện Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IX và các ngày lễ lớn trong năm 2015.

Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch tổ chức phát động đợt thi đua đặc biệt, lập thành tích chào mừng 85 năm Ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam (03/02/1930 - 03/02/2015), 40 năm Ngày giải phòng miền Nam, thống nhất đất nước (30/4/1975 - 30/4/2015), 125 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh (19/5/1890 - 19/5/2015), 70 năm Ngày Cách mạng tháng Tám (19/8/1945 - 19/8/2015) và 70 năm Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (02/9/1945 - 02/9/2015), chào mừng Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh lần thứ V, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IX, với những nội dung sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Tổ chức phát động đợt thi đua đặc biệt nhằm tạo ra một bước chuyển biến mạnh mẽ về chất trong lĩnh vực công tác thi đua, khen thưởng; khơi dậy và phát huy cao độ lòng yêu nước, lòng tự tôn và tự hào, phát huy tính tích cực trong mọi ngành nghề, mọi giới, các tầng lớp nhân dân, các lực lượng vũ trang, các thành phần kinh tế, tạo động lực tinh thần, vật chất mới, hăng hái tham gia lao động, sản xuất, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, cần kiệm, sáng tạo vượt qua khó khăn thử thách, dồn sức hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và kế hoạch 5 năm (2011 - 2015) theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng và Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ IX;

- Mục tiêu chung của phong trào thi đua là: **“Đoàn kết, sáng tạo, kỷ cương, trách nhiệm, thi đua thực hiện thắng lợi nhiệm vụ chính trị năm 2015”**.

II. NỘI DUNG

1. Tổ chức quán triệt, triển khai, tuyên truyền có hiệu quả nội dung Chỉ thị số 35/CT-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức, lực lượng vũ trang và các tầng lớp nhân dân.

Tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong việc tham mưu triển khai các nội dung của Chỉ thị, gắn với việc thực hiện nhiệm vụ công tác năm 2015, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác quản lý nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng các cấp.

2. Phát động đợt thi đua đặc biệt từ nay đến hết năm 2015, tạo khí thế thi đua sôi nổi, thiết thực, hiệu quả, bám sát mục tiêu, chỉ tiêu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh và nhiệm vụ của từng sở, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị, quyết tâm phấn đấu hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ chính trị năm 2015 và kế hoạch 05 năm 2011 - 2015.

Mỗi đơn vị, địa phương đề ra ít nhất một công trình, sản phẩm, tác phẩm mới có nội dung chào mừng các sự kiện và các ngày lễ lớn trong năm 2015. Giao cho chủ đầu tư, các ngành liên quan tổ chức thực hiện đúng tiến độ, thời gian, bảo đảm chất lượng.

Phong trào thi đua đặc biệt được tổ chức chia thành 3 đợt thi đua như sau:

- Đợt 1: Từ ngày 01 tháng 3 đến ngày 30 tháng 6 năm 2015: Thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội Đảng bộ cơ sở, Hội nghị Diễn hình tiên tiến các cấp; hoàn thành giải quyết dứt điểm việc xét, đề nghị phong tặng, truy tặng danh hiệu “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”;

- Đợt 2: Từ ngày 01 tháng 7 đến ngày 02 tháng 9 năm 2015: Thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội Đảng bộ cấp huyện và Đại hội Thi đua yêu nước tỉnh lần thứ V - 2015;

- Đợt 3: Từ ngày 03 tháng 9 đến ngày 31 tháng 12 năm 2015: Thi đua lập thành tích xuất sắc chào mừng Đại hội tỉnh Đảng bộ lần thứ X và Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IX - 2015.

3. Tham mưu tổ chức thành công Đại hội Đảng các cấp tiến tới Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XII, Hội nghị Diễn hình tiên tiến các cấp tiến tới Đại hội Thi đua tỉnh lần V, Đại hội Thi đua yêu nước toàn quốc lần thứ IX, đảm bảo trang trọng, thiết thực, tiết kiệm; đồng thời thông qua Hội nghị, Đại hội tiếp tục phát động sâu rộng, mạnh mẽ hơn nữa các phong trào thi đua yêu nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Căn cứ mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu về phát triển kinh tế - xã hội năm 2015, các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị, các doanh nghiệp, các tổ chức, cơ quan, đơn vị có trách nhiệm cụ thể hóa xây dựng kế hoạch tổ chức phát động đợt thi đua đặc biệt và triển khai thực hiện có hiệu quả.

Các sở, ngành tỉnh, các địa phương, các doanh nghiệp, các cơ quan, đơn vị hoàn thành việc đăng ký công trình, sản phẩm, tác phẩm mới về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 20 tháng 4 năm 2015. Hồ sơ đề nghị khen thưởng gửi về Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh) trước ngày 15 tháng 12 năm 2015 để tổng hợp, thẩm định và trình Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng.

2. Các cơ quan thông tin đại chúng đẩy mạnh tuyên truyền các phong trào thi đua; giành nhiều thời gian, thời lượng, mở thêm chuyên trang, chuyên mục để tuyên truyền những thành quả của các phong trào thi đua trên các lĩnh vực của đời sống, xã hội và biểu dương, nêu gương các tập thể, cá nhân điển hình tiên tiến; tổ chức các cuộc thi viết về gương điển hình, người tốt, việc tốt, các tập thể, cá nhân Anh hùng, Chiến sĩ thi đua trong thời kỳ đổi mới, tạo khí thế thi đua sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân.

3. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang và các tổ chức thành viên vận động đoàn viên, hội viên và các tầng lớp nhân dân hưởng ứng, tham gia tích cực các phong trào thi đua yêu nước, góp phần thực hiện thắng lợi nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2015 và kế hoạch 05 năm 2011 - 2015.

4. Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, kiểm tra đôn đốc việc thực hiện kế hoạch này và báo cáo kết quả cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh biết chỉ đạo.

Trong quá trình tổ chức triển khai thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các ngành, các cấp, các cơ quan, đơn vị phản ánh về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) tổng hợp) để bổ sung, sửa đổi kịp thời./.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Văn Khang

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 60/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 30 tháng 3 năm 2015

KẾ HOẠCH

Thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang

Căn cứ Quyết định số 182/QĐ-TTg ngày 23/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch hành động quốc gia nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020.

Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xây dựng kế hoạch thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang, như sau:

I. MỤC TIÊU

Nhằm tăng cường công tác quản lý, khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước theo phương thức tổng hợp, toàn diện và đạt hiệu quả cao góp phần phát triển bền vững, bảo vệ môi trường trước diễn biến của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và sự suy giảm nguồn nước, với mục tiêu chủ yếu sau đây:

1. Thực thi các quy định của pháp luật trong công tác quản lý, khai thác, sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm và bảo vệ có hiệu quả tài nguyên nước tỉnh Tiền Giang.
2. Kiểm soát được tình trạng ô nhiễm, cạn kiệt nguồn nước; thống kê, kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh.
3. Nâng cao nhận thức của toàn xã hội trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và khai thác, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả.

II. NHIỆM VỤ CHỦ YẾU

1. Triển khai thực hiện các quy định của pháp luật về tài nguyên nước; ban hành các văn bản pháp luật cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước vào điều kiện thực tế của địa phương nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, khai thác, sử dụng nước hợp lý, tiết kiệm tài nguyên nước và phòng chống có hiệu quả các tác hại của nước do các hoạt động của con người gây ra, cụ thể như sau:

a) Tiếp tục triển khai thực hiện Luật Tài nguyên nước năm 2012 và các văn bản dưới luật; ban hành các văn bản quy định pháp luật cụ thể hóa các chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật nhà nước vào điều kiện thực tế của địa phương để thực hiện công tác quản lý việc khai thác, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm và bảo vệ có hiệu quả tài nguyên nước; rà soát các văn bản quy phạm pháp luật

về tài nguyên nước do địa phương ban hành để sửa đổi, bổ sung những văn bản không còn phù hợp hoặc ban hành văn bản mới thay thế;

b) Thực hiện tốt các chính sách tài chính trong lĩnh vực tài nguyên nước, bao gồm việc thu, quản lý và sử dụng tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước, thuế tài nguyên nước, các loại phí và lệ phí theo quy định; chính sách ưu đãi các hoạt động đầu tư cung cấp nước sinh hoạt, thu gom xử lý nước thải, các hoạt động sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, cải thiện và nâng cao chất lượng nước trên địa bàn tỉnh.

2. Chủ động thích nghi, ứng phó với những diễn biến của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và việc sử dụng nước ở thượng nguồn các lưu vực sông liên quốc gia, cụ thể như sau:

a) Nghiên cứu, đánh giá, dự báo toàn diện các tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng đến tài nguyên và tác động của việc tăng cường sử dụng nước ở thượng nguồn các lưu vực sông liên quốc gia;

b) Rà soát và triển khai thực hiện kế hoạch hành động của tỉnh nhằm tăng cường các biện pháp chủ động thích nghi, ứng phó với tác động của biến đổi khí hậu, nước biển dâng và việc khai thác, sử dụng nước ở thượng nguồn.

3. Quy hoạch, kiểm kê, điều tra cơ bản, quan trắc, giám sát tài nguyên nước, cụ thể như sau:

a) Xây dựng đề án Quy hoạch tài nguyên nước mặt tỉnh Tiền Giang; rà soát, điều chỉnh, bổ sung các quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước;

b) Xây dựng và triển khai thực hiện tốt phương án vận hành hệ thống quan trắc nước dưới đất trên địa bàn tỉnh, chương trình quan trắc chất lượng môi trường trên địa bàn tỉnh;

c) Xây dựng hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu về tài nguyên nước của tỉnh.

4. Chủ động kiểm soát, ngăn ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm, suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, cụ thể như sau:

a) Xây dựng và thực hiện chương trình kiểm soát, ngăn ngừa, hạn chế tình trạng ô nhiễm, suy thoái nguồn nước. Kiểm soát các nguồn thải xả vào môi trường nước từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là nguồn thải trong lĩnh vực chăn nuôi và ở các khu, cụm công nghiệp;

b) Xây dựng đề án thống kê, kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh;

c) Kiểm soát và giảm rủi ro do lũ vùng Ba Rài - Phú An thuộc huyện Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang; nâng cấp hệ thống kiểm soát xâm nhập mặn vùng Gò Công;

d) Kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khoan thăm dò nước dưới đất, các nguồn thải xả vào môi trường nước từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trên địa bàn tỉnh; khuyến khích sử dụng sản phẩm sinh học trong sản xuất

nông nghiệp và hạn chế, kiểm soát việc sử dụng các loại nông dược có nguồn gốc hóa học trong sản xuất nông nghiệp và thủy sản gây ô nhiễm nguồn nước;

đ) Ngăn chặn và xử lý tình trạng khai thác tài nguyên nước quá mức làm suy thoái, cạn kiệt nguồn nước, bảo vệ tính toàn vẹn của hệ sinh thái thủy sinh, các vùng đất ngập nước, vùng cửa sông, ven biển;

e) Phân vùng các nguồn nước tiếp nhận nước thải và thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

5. Điều hòa, sử dụng tổng hợp, tiết kiệm tài nguyên nước và phát triển các mô hình sử dụng nước hiệu quả, cụ thể như sau:

a) Quản lý tốt việc thực hiện quy hoạch về tài nguyên nước, quy hoạch chuyên ngành có khai thác, sử dụng tài nguyên nước; căn cứ các quy hoạch này và khả năng thực tế của nguồn nước, thực hiện việc điều hòa và phân phối tài nguyên nước cho các mục đích sử dụng bảo đảm phân bổ, khai thác, sử dụng tài nguyên nước hợp lý giữa các ngành, địa phương. Ưu tiên bảo đảm nguồn nước cho cấp nước sinh hoạt. Áp dụng các biện pháp, kỹ thuật canh tác, xây dựng, duy tu, vận hành các công trình dẫn nước, giữ nước để tiết kiệm nước trong sản xuất nông nghiệp, bảo đảm nước tưới hợp lý cho cây trồng;

b) Kết hợp khai thác, sử dụng hợp lý nguồn nước mặt và nguồn nước dưới đất; chú trọng bảo vệ, dự trữ nguồn nước dưới đất; hạn chế khai thác nước dưới đất ở những nơi có thể khai thác được nước mặt;

c) Quản lý nhu cầu sử dụng nước; rà soát, đánh giá hiện trạng các công trình, hệ thống khai thác, sử dụng nước trên địa bàn tỉnh; trên cơ sở đó có biện pháp cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng các công trình, hệ thống khai thác, sử dụng nước hiện có nhằm sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, tránh lãng phí, thất thoát nước;

d) Xây dựng và thực hiện các chương trình sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả của các ngành, địa phương, doanh nghiệp trong tỉnh nhằm phát triển, nhân rộng các mô hình sử dụng nước hiệu quả. Chú trọng phát triển các công trình khai thác, sử dụng tổng hợp, đa mục tiêu, các công trình chứa nước, các công trình ngăn mặn giữ ngọt.

6. Ứng dụng khoa học và công nghệ trong việc nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước, cụ thể như sau:

a) Nghiên cứu, ứng dụng công nghệ, phát triển các sản phẩm, xây dựng và nhân rộng các mô hình quản lý, sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả, giảm tổn thất nước;

b) Phát triển và tăng cường năng lực hệ thống các cơ quan nghiên cứu, tư vấn, dịch vụ khoa học và công nghệ phục vụ quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước;

c) Tăng cường năng lực cho các tổ chức sự nghiệp công về tài nguyên nước trong việc nghiên cứu, đánh giá, dự báo tài nguyên nước; phát triển các công cụ mô hình toán hỗ trợ quản lý tài nguyên nước và các công nghệ sử dụng nước tiết kiệm, chống thất thoát trong các hệ thống thủy lợi, cấp nước đô thị.

7. Tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức về quản lý, bảo vệ và khai thác, sử dụng tài nguyên nước, cụ thể như sau:

a) Huy động sự tham gia của các thành phần kinh tế, các tổ chức khoa học, chính trị - xã hội - nghề nghiệp, cộng đồng dân cư trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

b) Xây dựng và thực hiện các chương trình truyền thông có nội dung và hình thức tuyên truyền thích hợp cho từng nhóm đối tượng trong xã hội nhằm nâng cao nhận thức của toàn xã hội trong quản lý, bảo vệ tài nguyên nước và sử dụng nước tiết kiệm, hiệu quả;

c) Xây dựng và thực hiện cơ chế phối hợp, nâng cao vai trò trách nhiệm, tính chủ động của các cơ quan thông tin đại chúng, các cấp, các ngành, các tổ chức đoàn thể, địa phương và các cơ sở giáo dục, đào tạo tham gia thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về tài nguyên nước;

d) Tiếp tục đổi mới, đa dạng hóa các hình thức tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước cho cán bộ quản lý tài nguyên nước từ tỉnh xuống cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp và người dân;

e) Thực hiện lồng ghép nội dung về tầm quan trọng của công tác quản lý, bảo vệ nguồn nước, sử dụng tiết kiệm và có hiệu quả tài nguyên nước trong các môn học liên quan, các hoạt động ngoại khóa, ngoài giờ lên lớp.

8. Hoàn thiện bộ máy, nâng cao năng lực, hiệu quả quản lý tài nguyên nước ở các cấp, cụ thể như sau:

a) Kiện toàn bộ máy tổ chức quản lý nhà nước về tài nguyên nước các cấp để đáp ứng yêu cầu công tác quản lý tài nguyên nước;

b) Tổ chức thực hiện cơ chế chủ trì, phối hợp trong quản lý tài nguyên nước, gắn quản lý lưu vực sông với quản lý theo vùng lãnh thổ, lấy lưu vực sông, địa bàn cấp xã là đơn vị cơ bản để thực hiện các hoạt động bảo vệ tài nguyên nước;

c) Tăng cường đào tạo, đào tạo lại và nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đang làm việc tại các cơ quan quản lý tài nguyên nước, quản lý chất lượng nước dùng cho mục đích ăn uống, sinh hoạt và các mục đích khác ở các cấp và các đơn vị sự nghiệp trực tiếp phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước;

d) Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và các công cụ hỗ trợ cho các cơ quan quản lý tài nguyên nước, quản lý chất lượng nước dùng cho các mục đích khác ở các cấp. Thành lập Ban chỉ đạo về quản lý chất lượng nước ở các cấp; Ban cấp nước an toàn.

III. CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN THỰC HIỆN TRONG GIAI ĐOẠN 2014 - 2020

1. Tuyên truyền, phổ biến pháp luật về tài nguyên nước cho cán bộ quản lý tài nguyên nước từ tỉnh xuống cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp và người dân.

2. Điều tra, đánh giá, xác định các vùng đăng ký khai thác nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

3. Lập quy hoạch tài nguyên nước mặt tỉnh Tiền Giang; Điều chỉnh quy hoạch khai thác, sử dụng và bảo vệ tài nguyên nước dưới đất trên địa bàn tỉnh.

4. Thống kê, kiểm kê hiện trạng khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

5. Phân vùng các nguồn nước tiếp nhận nước thải và thiết lập hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh.

6. Tiến hành đào tạo chuyên môn nghiệp vụ cho các cán bộ quản lý các cấp và các đơn vị sự nghiệp trực tiếp phục vụ công tác quản lý tài nguyên nước.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Triển khai thực hiện

Căn cứ mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu được phân công của Kế hoạch, các sở, ban, ngành, địa phương liên quan xây dựng kế hoạch hành động của đơn vị mình và triển khai xây dựng nội dung chi tiết, dự toán kinh phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt làm cơ sở xác định và bố trí kinh phí.

2. Kinh phí thực hiện

- Kinh phí thực hiện Kế hoạch này được lấy từ nguồn kinh phí trong dự toán chi ngân sách hàng năm của các sở, ban, ngành, địa phương theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

- Các cơ quan liên quan và các địa phương chủ động huy động sự tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để thực hiện kế hoạch này.

3. Trách nhiệm của các sở, ban, ngành, địa phương liên quan

a) Giao Sở Tài nguyên và Môi trường là cơ quan chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành có liên quan và các địa phương tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này.

- Chủ trì tham mưu giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện các nhiệm vụ liên quan đến địa phương trong Kế hoạch hành động quốc gia và thực hiện các nội dung trong kế hoạch này liên quan đến chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Tài nguyên và Môi trường.

- Căn cứ vào nội dung Kế hoạch hành động của Thủ tướng Chính phủ, các hướng dẫn của Bộ, ngành Trung ương, Kế hoạch này của Ủy ban nhân dân tỉnh và tình hình thực tế của tỉnh, chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành tỉnh có liên quan và các địa phương rà soát, nghiên cứu, xây dựng và thực hiện kế hoạch hàng năm trên địa bàn tỉnh;

- Hướng dẫn Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài

nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020 của địa phương bảo đảm phù hợp với mục tiêu, nhiệm vụ của Kế hoạch hành động quốc gia, Kế hoạch của tỉnh.

- Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ và các địa phương xây dựng Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy, xác định cụ thể nhiệm vụ, nội dung công việc quản lý nhà nước về tài nguyên nước; xây dựng Đề án xác định vị trí việc làm và số biên chế công chức thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về tài nguyên nước trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

- Hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các sở, ban, ngành tỉnh, các huyện, thành, thị việc thực hiện Kế hoạch; định kỳ hàng năm tổng hợp, báo cáo tiến độ, kết quả thực hiện kế hoạch gửi về Ủy ban nhân dân tỉnh để theo dõi, chỉ đạo kịp thời, đồng báo cáo Bộ Tài nguyên và Môi trường theo yêu cầu.

b) Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài nguyên và Môi trường cân đối, bố trí kinh phí và hướng dẫn sử dụng vốn để các sở, ngành và địa phương triển khai thực hiện Kế hoạch đúng tiến độ của năm 2015 và các năm tiếp theo.

c) Các sở, ban, ngành tỉnh theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị để tổ chức thực hiện Kế hoạch này; báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị xây dựng kế hoạch thực hiện theo nội dung kế hoạch này trên địa bàn quản lý; báo cáo kết quả thực hiện kế hoạch cho Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 15 tháng 12 hàng năm để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh và Bộ Tài nguyên và Môi trường.

đ) Đề nghị các tổ chức chính trị - xã hội chủ trì và phối hợp với các ngành chức năng và chính quyền các cấp xây dựng và tổ chức tuyên truyền, vận động các hội viên, đoàn viên và nhân dân về các nội dung nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước; chủ động tham gia, giám sát, phản biện việc thực hiện nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

Trên đây là Kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang thực hiện Kế hoạch hành động quốc gia nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ, sử dụng tổng hợp tài nguyên nước giai đoạn 2014 - 2020 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Trong quá trình thực hiện có khó khăn vướng mắc, cần chỉnh sửa, bổ sung, đề nghị Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị chủ động báo cáo và gửi về Sở Tài nguyên và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lê Văn Nghĩa

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 64/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 01 tháng 4 năm 2015

**KẾ HOẠCH
Hoạt động thông tin đối ngoại năm 2015**

Thực hiện Quyết định số 79/2010/QĐ-TTg ngày 30/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý Nhà nước về thông tin đối ngoại; Hướng dẫn số 158/TTĐN ngày 31/5/2013 của Cục Thông tin đối ngoại - Bộ Thông tin và Truyền thông triển khai thực hiện Chương trình hành động của Chính phủ về thông tin đối ngoại, Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang xây dựng kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại năm 2015, cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH YÊU CẦU

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước ra nước ngoài; thông tin những thành tựu đổi mới của địa phương, tiềm năng, thế mạnh của tỉnh để thu hút đầu tư, xúc tiến thương mại - du lịch; quảng bá hình ảnh đất nước, con người, lịch sử văn hóa, bản sắc Việt Nam và các giá trị văn hóa của địa phương đến với các nước trên thế giới và kiều bào ta ở nước ngoài; đồng thời đưa thông tin thế giới vào Tiền Giang.

- Công tác thông tin đối ngoại cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan hành chính nhà nước với các tổ chức quần chúng, các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, tuân thủ mục tiêu độc lập dân tộc, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ; vì sự ổn định, phát triển của cả nước và của tỉnh Tiền Giang; không ngừng nâng cao vị thế nước ta trên trường quốc tế.

- Công tác thông tin đối ngoại phải gắn chặt với công tác đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái của các phân tử cơ hội, các thế lực thù địch một cách chủ động, có tính thuyết phục và hiệu quả.

II. NỘI DUNG HOẠT ĐỘNG

1. Nội dung hoạt động thông tin đối ngoại của tỉnh

- Tuyên truyền về việc Việt Nam là thành viên Hội đồng Nhân quyền Liên Hiệp Quốc nhiệm kỳ 2014 - 2016; tuyên truyền quảng bá Asian giai đoạn 2013-2015 và sau 2015.

- Tuyên truyền về cơ hội và thách thức đối với sự hình thành cộng đồng ASIAN vào ngày 31/12/2015; khi Việt Nam hoàn tất việc ký kết Hiệp định Đối tác kinh tế xuyên Thái Bình Dương và các hiệp định thương mại song phương, đa phương cùng EU, Liên minh thuế quan Nga - Belarus - Kazakhanstan.

- Tuyên truyền về biên giới, biển, đảo Việt Nam.

- Tuyên truyền về phân giới, cắm mốc giữa Việt Nam với các nước.

- Thông tin về kết quả thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI của Đảng; chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của tỉnh đến với tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài; đồng thời, thông tin về tình hình nước ngoài cho nhân dân trong nước và trong tỉnh.

- Thông tin, tuyên truyền về những thành tựu của đất nước và của tỉnh Tiền Giang, những tiềm năng, lợi thế của tỉnh nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và chủ động hội nhập quốc tế.

- Giới thiệu, quảng bá hình ảnh, đất nước, con người Việt Nam; truyền thống lịch sử, các giá trị văn hóa, tiềm năng hợp tác và phát triển của tỉnh Tiền Giang ra nước ngoài.

- Phản bác các thông tin xuyên tạc, sai sự thật, chống phá sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của nhân dân Việt Nam; trái với những chính sách, tiềm năng và giá trị văn hóa truyền thống của tỉnh.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng

a) Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh:

- Xây dựng các chuyên mục, chuyên đề thông tin quảng bá hình ảnh của tỉnh đến với các nước và kiều bào ta trên thế giới; đồng thời, thông tin thường xuyên về các hoạt động liên quan của các nước và kiều bào ta ở nước ngoài đến với nhân dân trong tỉnh. Nội dung thông tin phải bám sát các yêu cầu về nhiệm vụ chính trị của địa phương; tăng cường thời lượng, nâng cao chất lượng thông tin.

- Tiếp tục tuyên truyền về chủ đề đối ngoại, biển, đảo theo chỉ đạo của Trung ương; các kế hoạch, chương trình hành động của Tỉnh ủy, UBND tỉnh trên cơ sở nắm vững quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp đã xác định.

- Nâng cao trình độ cho lực lượng biên tập viên, phóng viên và cộng tác viên viết về đề tài thông tin đối ngoại, tuyên truyền biển đảo; phối hợp tốt với các ngành, địa phương trong công tác tuyên truyền đối ngoại.

b) Đề nghị Báo Ấp Bắc:

- Tiếp tục phối hợp các ngành liên quan để đảm bảo chất lượng thông tin tuyên truyền về đối ngoại được kịp thời, có hiệu quả. Trong đó, tập trung tuyên truyền những chủ trương, đường lối của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chủ trương của tỉnh đến với các tổ chức, cá nhân nước ngoài và người Việt Nam ở nước ngoài, đồng thời thông tin về tình hình quốc tế cho nhân dân trong nước và trong tỉnh.

- Đổi mới về nội dung lẫn hình thức tuyên truyền về thông tin đối ngoại trên báo in và báo điện tử, đặc biệt là trang tiếng Anh theo hướng sâu rộng, thích hợp với nhiều đối tượng nhằm góp phần từng bước đa dạng hóa các nội dung, hình thức tuyên truyền thông tin đối ngoại, góp phần thực hiện thành công nhiệm vụ chính trị được giao.

c) Các phương tiện thông tin truyền thông khác:

Khai thác tốt Cổng thông tin điện tử của tỉnh, các trang thông tin điện tử của các sở, ban, ngành, đoàn thể để chuyển tải đến bạn đọc trong và ngoài nước về tình hình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh qua các năm; các tiềm năng và thế mạnh của tỉnh; các thông tin về đầu tư, thương mại, du lịch; các văn bản pháp quy, địa chí Tiền Giang...

3. Công tác quản lý nhà nước về thông tin đối ngoại

- Thông qua quy chế hoạt động của Ban Chỉ đạo công tác thông tin đối ngoại các cấp, từng bước đưa hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh đi vào nền nếp.

- Tổ chức tập huấn công tác thông tin đối ngoại cho lãnh đạo và cán bộ phụ trách thông tin đối ngoại cấp huyện, thành, thị.

4. Quảng bá hình ảnh Tiền Giang ra thế giới

- Nghiên cứu, tăng cường giới thiệu, quảng bá hình ảnh Tiền Giang bằng ngôn ngữ tiếng Anh, tiếng Pháp trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh, Báo Ấp Bắc điện tử, trang thông tin điện tử của Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh.

- Tuyên truyền quảng bá hình ảnh Tiền Giang qua chương trình hoạt động công tác người Việt Nam ở nước ngoài; các sự kiện, hội nghị, giao lưu, hợp tác quốc tế, xúc tiến đầu tư thương mại, đón tiếp và làm việc với các đoàn khách quốc tế đến thăm và làm việc tại Tiền Giang.

- Chú trọng tuyên truyền, quảng bá hình ảnh Tiền Giang qua các hoạt động đối ngoại lớn của tỉnh trong năm 2015.

5. Quảng bá qua các hoạt động văn hóa, thể thao, du lịch

Xây dựng các chương trình văn hóa, văn nghệ đặc sắc, mang đậm dấu ấn Tiền Giang để giao lưu, trao đổi văn hóa với các đoàn khách quốc tế đến thăm Tiền Giang.

6. Xây dựng các ấn phẩm tuyên truyền đối ngoại của tỉnh

- Xây dựng tài liệu tuyên truyền, quảng bá chính thức của tỉnh bằng nhiều ngoại ngữ thông dụng (Anh, Trung, Nhật, Hàn).

- Tham gia và gửi các tài liệu, ấn phẩm của tỉnh tới các hội nghị, hội thảo về xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch trong và ngoài nước.

- Xuất bản ấn phẩm Thông tin đối ngoại Tiền Giang.

- Thực hiện chuyên đề truyền hình giới thiệu về Tiền Giang trong tiến trình hội nhập quốc tế, phát trên sóng truyền hình Tiền Giang

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Thông tin và Truyền thông

- Là cơ quan đầu mối giúp UBND tỉnh và Ban Chỉ đạo công tác thông tin thông tin đối ngoại tỉnh theo dõi, chỉ đạo hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn Tiền Giang.

- Chủ trì, phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy, Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Ngoại vụ tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về thông tin đối ngoại, phát ngôn cho cán bộ phụ trách thông tin đối ngoại của các sở, ngành, địa phương; làm tốt công tác định hướng thông tin cho báo chí thông qua giao ban báo chí định kỳ hàng tháng; giúp Ủy ban nhân dân tỉnh theo dõi việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí tại các địa phương, cơ quan đơn vị nhằm phục vụ tốt công tác thông tin đối ngoại của tỉnh.

- Phối hợp với Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy theo dõi, tổng hợp tình hình thông tin của báo chí và dư luận đối với tỉnh để có kế hoạch phản bác những thông tin sai sự thật, xuyên tạc, phá hoại công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

- Phối hợp Sở Ngoại vụ và các cơ quan liên quan thực hiện cung cấp thông tin cho báo chí nước ngoài, cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài và cộng đồng quốc tế.

- Tổng hợp kinh phí hàng năm cho các hoạt động thông tin đối ngoại.

- Thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm và giải quyết khiếu nại, tố cáo trong các hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

2. Sở Ngoại vụ

- Tăng cường phối hợp thực hiện công tác quản lý các hoạt động báo chí nước ngoài đến tác nghiệp trên địa bàn tỉnh và các đoàn báo chí của tỉnh tác nghiệp ở nước ngoài.

- Hỗ trợ các đơn vị trong tỉnh cập nhật nội dung các trang web từ tiếng Việt sang tiếng Anh, tiếng Pháp nhằm quảng bá hình ảnh Tiền Giang và kêu gọi đầu tư vào tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tuyên truyền về biên giới, biển, đảo Việt Nam và phân giới, cắm mốc giữa Việt Nam và các nước.

- Thông tin về hoạt động hợp tác quốc tế cấp địa phương; hoạt động hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ nước ngoài và các tổ chức quốc tế đối với các tổ chức và cá nhân trên địa bàn tỉnh.

- Thông tin về các hoạt động giao lưu, hợp tác, kết nối với cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài.

- Chủ trì thực hiện đặc san Đối ngoại Tiền Giang.

- Thực hiện công tác tập huấn về lễ tân ngoại giao, giao tiếp quốc tế và các vấn đề liên quan đến công tác lãnh sự cho các đơn vị trong tỉnh khi có yêu cầu nhằm tăng cường hơn nữa công tác thông tin đối ngoại.

3. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

- Tiếp tục triển khai công tác thông tin đối ngoại theo lĩnh vực quản lý về văn hóa, nghệ thuật, du lịch và thể thao trên địa bàn tỉnh.

- Tích cực tham gia các hoạt động văn hóa, nghệ thuật nhằm gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa Việt Nam theo Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09/6/2014 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI).

- Tổ chức tập luyện, sẵn sàng tham gia thi đấu thể thao thành tích cao, phấn đấu đạt thứ hạng tương xứng trong các giải đấu quốc tế.

- Tiếp tục kiểm tra các hoạt động du lịch, nâng cao chất lượng phục vụ, trình độ giao tiếp của đội ngũ lao động du lịch; đặc biệt là phối hợp với tổ chức JICA - Nhật Bản tổ chức quảng bá sản phẩm du lịch cộng đồng thông qua du lịch di sản tại làng cổ Đông Hòa Hiệp (Cái Bè) năm 2015.

- Tham gia năm du lịch quốc gia 2015 với chủ đề “Kết nối các di sản thế giới” tại Thanh Hóa.

4. Trung tâm Xúc tiến Đầu tư - Thương mại - Du lịch

- Thực hiện tốt các nhiệm vụ được giao trong việc tham gia xúc tiến các dự án kêu gọi đầu tư tỉnh Tiền Giang với các nhà đầu tư nước ngoài; tăng cường hỗ trợ thông tin về chính sách, pháp luật cho các doanh nghiệp đã, đang và sẽ đầu tư vào tỉnh Tiền Giang.

- Xúc tiến thiết lập quan hệ hợp tác với các đối tác, địa phương nước ngoài, trước hết là quan hệ hợp tác ở cấp địa phương với Nhật Bản, Hàn Quốc. củng cố và phát triển mối quan hệ với các tổ chức quốc tế, các cơ quan đại diện ngoại giao của nước ngoài tại Việt Nam và các tham tán sứ quán Việt Nam tại nước ngoài.

- Phối hợp với các ngành chức năng tổ chức các cuộc hội thảo giới thiệu môi trường đầu tư nhằm xây dựng hình ảnh tốt đẹp về đất nước, con người Tiền Giang và sự quan tâm của chính quyền địa phương đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

- Chủ động tiếp cận và trao đổi, cung cấp thông tin cho các Đoàn công tác nước ngoài, các nhà đầu tư, doanh nghiệp đến thăm và làm việc cũng như tìm kiếm cơ hội đầu tư tại tỉnh.

- Tăng cường phối hợp, hỗ trợ, tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài tiến hành các hoạt động đầu tư trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đạt hiệu quả và đúng pháp luật.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động đối ngoại và kinh tế đối ngoại; thúc đẩy các hoạt động giao lưu, hợp tác với các tỉnh, thành bạn trên các lĩnh vực: kinh tế, văn hóa, giáo dục, y tế, thể dục thể thao...; thu hút vốn và phát huy khả năng xúc tiến đầu tư, thương mại, du lịch, chủ động hội nhập kinh tế quốc tế.

- Chủ trì xuất bản tài liệu “Tiền Giang tiềm năng và cơ hội đầu tư”, đĩa DVD giới thiệu về tuyến, điểm du lịch tại Tiền Giang.

5. Sở Công Thương

- Triển khai thực hiện kế hoạch, chương trình, biện pháp cụ thể về hội nhập kinh tế, thương mại quốc tế trên địa bàn tỉnh sau khi được phê duyệt.

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan phổ biến, tuyên truyền, hướng dẫn thực hiện kế hoạch, chương trình, các quy định về hội nhập kinh tế, thương mại quốc tế của địa phương.

6. Công an tỉnh

- Chủ trì, phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn và theo dõi việc chấp hành chế độ bảo mật thông tin trong hoạt động thông tin đối ngoại.

- Theo dõi, tổng hợp diễn biến thông tin đối ngoại của tỉnh để đề xuất chủ trương, biện pháp phản bác các thông tin sai sự thật, xuyên tạc, chống phá Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Chủ động thực hiện các biện pháp đấu tranh loại trừ tội phạm quốc tế xâm nhập vào tỉnh thông qua con đường mở rộng quan hệ đối ngoại.

- Phối hợp trong quản lý, giám sát các đoàn báo chí nước ngoài đến tác nghiệp trên địa bàn tỉnh.

7. Sở Tài chính

- Căn cứ khả năng cân đối ngân sách bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thực hiện các định mức kinh phí cho hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh.

- Hướng dẫn, đôn đốc các đơn vị sử dụng, thanh quyết toán kinh phí theo đúng quy định hiện hành.

8. Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh và UBND cấp huyện

- Chỉ đạo và tổ chức thực hiện kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại của tỉnh trong phạm vi quản lý; tăng cường công tác tuyên truyền giới thiệu hình ảnh của địa phương nhân các ngày lễ lớn và sự kiện lễ hội trong năm 2015.

- Cung cấp thông tin cho báo chí trong và ngoài nước về các vấn đề liên quan đến lĩnh vực và địa bàn quản lý theo quy định.

- Xây dựng kế hoạch phối hợp hoạt động thông tin đối ngoại và dự toán kinh phí hàng năm theo quy định; đồng thời, gửi cho Sở Thông tin và Truyền thông để theo dõi, tổng hợp, xây dựng kế hoạch thông tin đối ngoại hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

- Phân công cán bộ chịu trách nhiệm triển khai hoạt động thông tin đối ngoại đạt hiệu quả thiết thực trên lĩnh vực đơn vị quản lý.

- Thực hiện chế độ bảo mật thông tin theo quy định của pháp luật.

- Tổ chức sơ kết, đánh giá hiệu quả hoạt động thông tin đối ngoại theo phạm vi quản lý; gửi báo cáo về Sở Thông tin và Truyền thông trước ngày

30/11/2015; hoặc báo cáo đột xuất (theo yêu cầu) để Sở Thông tin và Truyền thông tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Trên đây là kế hoạch hoạt động thông tin đối ngoại trên địa bàn tỉnh Tiền Giang năm 2015; trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các sở, ngành, địa phương, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Thông tin và Truyền thông) để được hướng dẫn thực hiện./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Kim Mai

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 67/KH-UBND

Tiền Giang, ngày 02 tháng 4 năm 2015

KẾ HOẠCH**Triển khai thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015
của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính,
chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch**

Ngày 16 tháng 02 năm 2015, Chính phủ ban hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch. Để việc triển khai thi hành các quy định của Nghị định được đồng bộ, thống nhất và hiệu quả, Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng Kế hoạch triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ với các nội dung cụ thể sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU**1. Mục đích**

- Tuyên truyền, phổ biến, quán triệt các nội dung cơ bản của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch đến cán bộ, công chức, viên chức, công chứng viên, tổ chức hành nghề công chứng và các tầng lớp nhân dân.

- Tổ chức thực hiện có hiệu quả các quy định về chứng thực; xác định trách nhiệm cụ thể đối với các cơ quan, tổ chức có liên quan trong thực hiện việc cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch bảo đảm thực hiện thống nhất, đồng bộ, kịp thời.

- Trang bị, hướng dẫn kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, nhận dạng, đối chiếu tài liệu, hồ sơ cho cán bộ trực tiếp tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công chứng viên và nhân viên các Tổ chức hành nghề công chứng; chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực khi thực hiện thủ tục hành chính.

2. Yêu cầu

- Xác định cụ thể nội dung công việc, thời hạn hoàn thành và trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức trong việc triển khai thi hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015.

- Trong quá trình thực hiện phải bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan, tổ chức có liên quan, kịp thời đôn đốc, hướng dẫn và tháo gỡ những vướng mắc, khó khăn trong quá trình tổ chức thực hiện để bảo đảm tiến độ và hiệu quả của việc triển khai thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP.

II. NỘI DUNG

1. Ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015

- Cơ quan chủ trì: Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Cơ quan thực hiện: Sở Tư pháp.
- Cơ quan phối hợp: Các sở, ban, ngành tỉnh; Công an tỉnh (Phòng Kỹ thuật hình sự); UBND cấp huyện và cơ quan, tổ chức có liên quan.
- Thời gian thực hiện: tháng 4 năm 2015

2. Tổ chức hội nghị triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 và tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, nhận dạng tài liệu, hồ sơ.

a) Tổ chức Hội nghị quán triệt, triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch trên địa bàn tỉnh:

- Thời gian triển khai: trong tháng 4/2015
- Thành phần tham dự:
 - + Cấp tỉnh: Lãnh đạo, cán bộ pháp chế các sở, ban, ngành, đoàn thể; thành viên Hội đồng phối hợp PBGDPL tỉnh; báo cáo viên pháp luật cấp tỉnh; cán bộ trực tiếp tiếp nhận hồ sơ thủ tục hành chính của các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
 - + Cấp huyện: Lãnh đạo Ủy ban nhân dân; lãnh đạo các phòng Tư pháp, Nội vụ, Công an, Tài Nguyên và Môi trường.

Giao Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức hội nghị triển khai ở cấp tỉnh theo nội dung Kế hoạch.

Trên cơ sở tham dự hội nghị triển khai cấp tỉnh, các đại biểu tham dự hội nghị tiếp tục tổ chức triển khai trong cán bộ, công chức của cơ quan, đơn vị và từng bước phổ biến trong nhân dân.

b) Tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, nhận dạng tài liệu, hồ sơ:

- Thời gian tập huấn: ngày 09/4/2015.
- Thành phần tham dự:
 - + Lãnh đạo Phòng Tư pháp và công chức phụ trách lĩnh vực công chứng, chứng thực của phòng Tư pháp cấp huyện;
 - + Cán bộ phụ trách công tác tiếp nhận và trả kết quả tại Ủy ban nhân dân cấp huyện;
 - + Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;
 - + Công chức Tư pháp - Hộ tịch cấp xã;
 - + Cán bộ phụ trách công tác tiếp nhận và trả kết quả tại UBND cấp xã;
 - + Công chứng viên và chuyên viên của các tổ chức hành nghề công chứng trên địa bàn tỉnh;

Giao Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với Công an tỉnh tổ chức tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, nhận dạng tài liệu, hồ sơ theo đúng nội dung kế hoạch.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Tư pháp chủ trì phối hợp với các Sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan tổ chức triển khai và tập huấn các công việc cụ thể theo nội dung của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP. Thường xuyên hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện công tác chứng thực bản sao đúng quy định của pháp luật.

2. Các Sở, ban, ngành tỉnh và các cơ quan, tổ chức có liên quan; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã; Ủy ban nhân dân cấp xã và các Tổ chức hành nghề công chứng trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ của mình tích cực, chủ động phối hợp với Sở Tư pháp trong việc triển khai thực hiện các nội dung được quy định trong Nghị định. Báo cáo kết quả thực hiện về Sở Tư pháp để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Ủy ban nhân dân các huyện, thành, thị xây dựng kế hoạch chỉ đạo Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn thực hiện Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ.

3. Các xã, phường, thị trấn, Ủy ban nhân dân huyện đã chuyển giao thẩm quyền theo các quyết định: Quyết định số 03/2010/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2010; Quyết định số 23/2011/QĐ-UBND ngày 17 tháng 8 năm 2011; Quyết định số 17/2014/QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chuyển giao việc chứng thực các hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã sang tổ chức hành nghề công chứng chứng nhận vẫn thực hiện theo các quyết định nêu trên cho đến khi có hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền theo tinh thần chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Thông báo Kết luận số 347/TB-VPCP ngày 27/8/2014 của Văn phòng Chính phủ.

4. Kinh phí phục vụ Hội nghị triển khai Nghị định số 23/2015/NĐ-CP của Chính phủ và tập huấn kỹ năng, nghiệp vụ kiểm tra, nhận dạng tài liệu, hồ sơ sử dụng từ nguồn kinh phí của Hội đồng phối hợp phổ biến, giáo dục pháp luật tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị tổ chức triển khai thực hiện tốt các nội dung của kế hoạch và gửi báo cáo về (Sở Tư pháp) để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, giải quyết./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trần Kim Mai

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TIỀN GIANG XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 23, Đường 30/4, Phường 1, TP. Mỹ Tho, Tiền Giang

Điện thoại: 0273.3972622

Fax: 0273.3873680

Email: congbao@tiengiang.gov.vn

Website: www.congbao.tiengiang.gov.vn